

Số: /KH-UBND

Đà Nẵng, ngày tháng 12 năm 2025

KẾ HOẠCH
Triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn thành phố năm 2026

Thực hiện Công văn số 5511/BKHCN-CĐSQG ngày 10/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026; triển khai Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 17/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố và Đề án Chuyển đổi số trên địa bàn thành phố đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và các kế hoạch, chương trình phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, doanh nghiệp công nghệ số; triển khai Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về ban hành Đề án chuyển đổi số góp phần thúc đẩy, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội thành phố giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035; theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1865/TTr-SKHCN ngày 26/12/2025, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn thành phố năm 2026 như sau:

Phần I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2025

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI NỔI BẬT MANG LẠI HIỆU QUẢ THIẾT THỰC CHO CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG.

1. Thành phố Đà Nẵng (trước khi sáp nhập)

Tính đến ngày 30/06/2025, thành phố Đà Nẵng (cũ) đã hoàn thành các mục tiêu trọng tâm và cơ bản hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 17/6/2021 và Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 28/8/2021: Thành phố Đà Nẵng **04 năm liền dẫn đầu** (từ năm 2020 đến năm 2023) và **đứng thứ 02** (năm 2024) **bảng xếp hạng chuyển đổi số DTI tỉnh thành**¹ do Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) đánh giá.

Điểm đánh giá DTI	2020	2021	2022	2023	2024
Chính quyền số	0,5346	0,6868	0,8638	0,9098	0,8558
Kinh tế số	0,4155	0,6312	0,8473	0,8769	0,8503

¹ Bảng xếp hạng mức độ chuyển đổi số của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Xã hội số	0,4974	0,6483	0,7864	0,845	0,8185
Tổng (xếp thứ hạng)	0,4874 (1)	0,6419 (1)	0,8002 (1)	0,834 (1)	0,8335 (2)

Kết quả đánh giá DTI của thành phố Đà Nẵng (cũ) có sự cải thiện, tăng trưởng đều qua mỗi năm. Năm 2024, xếp 2; sau TP. Hồ Chí Minh, ít hơn 4 điểm phần 1.000 hay 0,4 điểm phần 100.

Đồng thời, thành phố Đà Nẵng thuộc **Top 3 địa phương dẫn đầu về thương mại điện tử** (sau Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh) theo Báo cáo của Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam năm 2025.

Thành phố đã được các tổ chức, hiệp hội trong nước và quốc tế tôn vinh **04 năm liên tiếp** đến nay là Thành phố Thông minh duy nhất Việt Nam; được vinh danh **Giải thưởng Thành phố thông minh, hạng mục “lấy người dân làm trung tâm”** tại Hội nghị các đô thị thông minh thế giới tổ chức tại Seoul, Hàn Quốc, năm 2023; ngày 08/10/2025 vừa qua, đạt giải thưởng chuyển đổi số năm 2025 với hạng mục **“Giải pháp chuyển đổi số vì cộng đồng”**. Đặc biệt, kết quả Chuyển đổi số thành công là 01 trong 03 lĩnh vực đề Nhà nước xem xét, trao tặng **Huân chương lao động hạng Nhất** cho **Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân thành phố Đà Nẵng** nhân kỷ niệm 50 năm giải phóng thành phố.

1.2. Tỉnh Quảng Nam (cũ)

Tỉnh Quảng Nam (cũ) đã cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ tại Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 17/9/2020 và Quyết định 2768/QĐ-UBND ngày 09/10/2020, xếp hạng chuyển đổi số tỉnh thành được duy trì trong nhóm trung bình qua các năm đánh giá² như sau.

Năm	Xếp hạng chung		Chính quyền số		Kinh tế số		Xã hội số	
	Giá trị	Xếp hạng	Giá trị	Xếp hạng	Giá trị	Xếp hạng	Giá trị	Xếp hạng
2020	0,3265	24	0,3539	31	0,2677	25	0,3486	11
2021	0,4329	25	0,4689	27	0,4581	19	0,4594	19
2022	0,5808	31	0,6674	30	0,6062	45	0,5585	41
2023	0,6641	41	0,7548	34	0,6776	52	0,6397	52
2024	0,5803	57	0,6097	58	0,6731	56	0,6265	58

3. Thông tin chung về Thành phố (sau sáp nhập)

Đại hội đại biểu lần thứ I Đảng bộ thành phố Đà Nẵng nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã đề ra mục tiêu tổng quát đến năm 2030: *Tiếp tục tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; chính*

² Kết quả điểm đánh giá chuyển đổi số DTI của 02 địa phương trong giai đoạn 2020-2024:

quyền số, đô thị thông minh, nền hành chính hiện đại; phát huy dân chủ, truyền thống cách mạng, bản sắc văn hóa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; 01 trong 03 nhiệm vụ đột phá đến 2045 là “Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành đô thị sinh thái và thông minh, là trung tâm thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế, trung tâm công nghiệp, logistics, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và thành phố du lịch, đáng sống, đẳng cấp khu vực Châu Á”;

Về vị trí chuyển đổi thành phố Đà Nẵng (sau sáp nhập) so với Bộ chỉ số đánh giá

Địa phương (trước sáp nhập)	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tỉnh Quảng Nam	0,3264	0,4329	0,5808	0,6641	0,580
TP Đà Nẵng	0,4874	0,6419	0,8002	0,834	0,833
Điểm chung (vị trí)					0,7069 (17/34)

Thành phố Đà Nẵng sau sáp xếp có điểm đánh giá DTI năm 2024 là 0,7069, xếp hạng thứ **17/34** tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Kết quả các chỉ số chính của tỉnh/TP sau sáp nhập được Bộ KH&CN tính toán, xếp hạng dựa trên giá trị trung bình cộng các chỉ số chính của các tỉnh trước sáp nhập).

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU NĂM 2025

Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu chuyển đổi số trên địa bàn thành phố năm 2025 được thống kê chi tiết tại Phụ lục I đính kèm.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2025

1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn thành phố năm 2025 được thống kê chi tiết tại Phụ lục I đính kèm.

2. Khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị

2.1 Về chính quyền số

a) Các hệ thống thông tin dùng chung chưa hoạt động ổn định

Các hệ thống thông tin của bộ, ngành (như đất đai, hộ tịch, đăng ký doanh nghiệp,...) còn bị lỗi, sự cố, chưa hoạt động ổn định, ảnh hưởng đến việc giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương. Các hệ thống ứng dụng dùng chung³ đôi lúc chưa hoạt động ổn định; việc liên thông văn bản điện tử giữa khối đảng và khối chính quyền còn chậm trễ; kết nối, đồng bộ giữa hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố với các hệ thống của Bộ, ngành chưa ổn

³ Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong cơ quan đảng; hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố, hệ thống quản lý văn bản và điều hành thành phố;...

định, ảnh hưởng tiến độ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp; nguyên nhân chủ yếu là do lỗi chức năng thường xuyên từ hệ thống của bộ ngành (hộ tịch, đăng ký kinh doanh, đất đai, thuế,...) và hạn chế của các chức năng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố.

b) Cơ sở dữ liệu các ngành chưa đúng đủ sạch sòng; chưa đáp nhu cầu sử dụng dữ liệu số trong chỉ đạo điều, trong sử dụng AI để tạo ra giá trị mới

- Các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành chưa hoàn thiện⁴; các bộ, ngành chưa công bố các nền tảng số thống nhất, dùng chung, chưa hướng dẫn địa phương phương án, lộ trình số hóa, chuẩn hóa, hoàn thiện dữ liệu trên các nền tảng số của bộ, ngành theo tinh thần Nghị quyết số 214/NQ-CP.

- Công tác rà soát, đánh giá hiện trạng cơ sở dữ liệu còn chậm, nhiều sở, ngành chưa đề xuất kế hoạch, phương án, lộ trình số hóa, nâng cấp, xây dựng mới các cơ sở dữ liệu, chưa đảm bảo theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo 57 và Nghị quyết số 214/NQ-CP của Chính phủ.

c) Số hóa hồ sơ, tài liệu chưa hoàn thành

Hầu hết hồ sơ, tài liệu của cấp ủy, chính quyền cấp xã thuộc tỉnh Quảng Nam (cũ) chưa được rà soát, phân loại, đánh giá khối lượng, chưa bàn giao về cấp xã (mới) hoặc đã bàn giao nhưng chưa tiến hành chỉnh lý, số hóa; nguy cơ không đạt chỉ tiêu **30%** vào cuối năm 2025.

Số hóa hồ sơ, tài liệu nhiều nơi chưa theo đúng nghĩa chuyển đổi số là biến thông tin trong tài liệu giấy thành dữ liệu điện tử có cấu trúc, được chuẩn hóa, định danh, xác thực và cập nhật “sống” theo thời gian thực, có thể kết nối, chia sẻ, phân tích và tái sử dụng trên các hệ thống khác.

d) Hạ tầng CNTT còn chưa đồng bộ; thiết bị CNTT còn hạn chế về cấu hình, chi phí đầu tư dẫn đến chưa đáp ứng yêu cầu xử lý, ứng dụng công nghệ mới như AI, BIM, GIS.

đ) Nguồn nhân lực CNTT chưa đáp ứng yêu cầu

Ngay sau khi sắp xếp, sáp nhập cấp Tỉnh, cấp Xã; nguồn nhân lực công nghệ thông tin, chuyển đổi số còn thiếu và yếu là tình trạng chung tại các cơ quan đảng, chính quyền thành phố. Qua rà soát sơ bộ, khoảng 70% cán bộ được bố trí vị trí công nghệ thông tin trong các đảng ủy phường, xã không có trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin.

2.2. Về phát triển kinh tế số

a) Hạ tầng số công cộng

⁴ Đặc biệt là CSDL đất đai. Số địa phương cấp xã trên địa bàn thành phố đã hoàn thành đo đạc bản đồ địa chính Hệ VN-2000 (dạng số), cơ sở dữ liệu đất đai chỉ chiếm tỷ lệ khoảng 30% tổng số xã, phường trên toàn địa bàn thành phố, gây ảnh hưởng rất lớn đến công tác quản lý Nhà nước, việc giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố sau sau sáp nhập trong giai đoạn chuyển đổi số hiện nay.

Hạ tầng số phát triển chưa đồng đều giữa các địa phương trên địa bàn thành phố. Tính đến ngày 25/9/2025, thành phố còn gần **11** thôn, bản không có điện lưới, **09** thôn trắng sóng và **28** thôn lờm sóng, chưa thể tiếp cận thông tin và các dịch vụ cơ bản của chuyển đổi số. Nguyên nhân chủ yếu là do địa hình đồi núi phức tạp, khó khăn trong xây lắp hạ tầng điện lưới, cáp quang và trạm BTS đến các thôn bản; việc triển khai cần nguồn lực đầu tư lớn từ các doanh nghiệp, nhân lực bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hạ tầng thường xuyên, nhất là trong mùa mưa bão.

b) Thu hút các doanh nghiệp lớn, các doanh nghiệp khởi nghiệp CNTT, chuyên gia

Để chuyển đổi phát triển với tỷ trọng kinh tế số lên tới 35%-40% GRDP đòi hỏi cần đầu tư mạnh vào các ngành công nghệ cao như bán dẫn, AI, IoT, tài chính số. Việc còn thiếu các tập đoàn, doanh nghiệp lớn, quy mô quốc tế, với nguồn lực tài chính và công nghệ vững mạnh, thành phố Đà Nẵng có thể sẽ khó khăn trong việc chuyển đổi của mình. Đà Nẵng cần nhanh chóng thúc đẩy triển khai mạnh mẽ các cơ chế đặc thù để đủ sức hút doanh nghiệp và chuyên gia nước ngoài về sống và làm việc.

2.3 Về phát triển xã hội số

a) Năng lực số của người dân còn hạn chế, là "điểm nghẽn" lớn nhất. Phần lớn người dân khu vực nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn tâm lý e ngại công nghệ, thiếu kỹ năng số cơ bản và nâng cao (kỹ năng tìm kiếm thông tin, thanh toán trực tuyến, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, nhận diện và phòng tránh lừa đảo trên mạng...).

b) Rào cản kinh tế và thiết bị:

- Chi phí áp dụng một số giao dịch điện tử của người nộp thuế với cơ quan Thuế vẫn còn cao như: phí thanh toán liên ngân hàng trong nộp thuế điện tử, chi phí mua mới, duy trì chữ ký số; chi phí triển khai hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền...

- Chi phí duy trì các dịch vụ số hàng tháng vẫn là một gánh nặng đối với các hộ gia đình có thu nhập thấp. Tỷ lệ hộ gia đình dân tộc thiểu số và miền núi có điện thoại thông minh, máy tính, thiết bị công nghệ phục vụ sản xuất còn rất thấp. Thành phố cần đồng hành cùng các doanh nghiệp lớn để bảo đảm hạ tầng đồng đều để người dân dễ dàng tiếp cận dịch vụ số, cần có chính sách hỗ trợ thiết bị đầu cuối giá rẻ cho hộ nghèo, thiết lập trung tâm xã hội số cộng đồng (phòng máy, phòng học).

c) Nội dung và dịch vụ số chưa thực sự "thân thiện": Các ứng dụng, nền tảng số hiện nay chủ yếu được thiết kế theo tư duy của người dùng thành thị, thiếu các tùy biến về ngôn ngữ, văn hóa để phù hợp với đặc thù của đồng bào.

Phần II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2026

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định 1012/QĐ-TTg ngày 20/09/2024 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 1131/QĐ-TTg ngày 12/06/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược;
- Quyết định số 2244/QĐ-TTg ngày 13/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả của Khoa học, Công nghệ, Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế - xã hội;
- Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;
- Quyết định số 292/QĐ-BKHCN ngày 25/3/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ số Việt Nam, phiên bản 4.0;
- Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.

II. MỤC TIÊU

1. Chủ đề

Chủ đề triển khai chuyển đổi số thành phố Đà Nẵng năm 2026 là **“Trí tuệ nhân tạo vì người dân – Thông minh hơn, Gần gũi hơn, Hiệu quả hơn”**, khẳng định mục tiêu của thành phố Đà Nẵng là khai thác, ứng dụng công nghệ phục vụ người dân, doanh nghiệp, làm cho cuộc sống tại thành phố ngày càng trở nên tiện nghi và đáng sống hơn.

2. Mục tiêu chung

TP. Đà Nẵng thuộc nhóm 05 địa phương dẫn đầu về chuyển đổi số, về an toàn thông tin và về thương mại điện tử của cả nước; trở thành 01 trong 03 trung tâm vi mạch, bán dẫn và AI lớn của Việt Nam.

3. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

STT	Chỉ tiêu đến năm 2030	Mục tiêu năm 2030	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì
1	Về phát triển Chính quyền số:			
1.1	Chỉ số chuyển đổi số cấp thành phố	$\geq 0,8$	$\geq 0,75$	Sở Khoa học và Công nghệ
1.2	Cấp độ trưởng thành đô thị thông minh bền vững của TP. Đà Nẵng	Bền vững	Liên kết hệ thống	Sở Xây dựng
1.3	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện và có phát sinh hồ sơ trong 03 năm gần nhất được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, khả dụng trên nhiều phương tiện truy cập, bao gồm cả thiết bị di động;	100%	100%	Văn phòng UBND thành phố
1.4	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”;	100%	95%	Văn phòng UBND thành phố
1.5	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến;	99%	95%	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã, đặc khu
1.6	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến		$\geq 90\%$	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã, đặc khu
1.7	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI);	100%	90%	Văn phòng UBND thành phố

STT	Chỉ tiêu đến năm 2030	Mục tiêu năm 2030	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì
1.8	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “ cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời;	60%	50%	Văn phòng UBND thành phố
1.9	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) phát sinh mới được số hoá, dữ liệu được lưu trữ tại hệ thống giải quyết TTHC thành phố; tối thiểu 80% dữ liệu về kết quả thực hiện TTHC được tái sử dụng, chia sẻ theo quy định (trừ các CSDL có tính đặc thù);	100%	100%	Văn phòng UBND thành phố
1.10	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công		90%	Văn phòng UBND thành phố
1.11	Tỷ lệ sở, ban, ngành, địa phương đạt cấp độ 4 và Tỷ lệ đạt cấp độ 5 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu;	100%	70%	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã, đặc khu
1.12	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành;	100%	100%	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã, đặc khu
1.13	Tỷ lệ hệ thống thông tin dùng chung thành phố được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu;	100%	100%	Công an thành phố
1.14	Tỷ lệ các bộ dữ liệu quy định trong danh mục dữ liệu dùng chung được kết nối, đồng bộ thường xuyên;	100%	100%	Công an thành phố
1.15	Tỷ lệ các CSDL của thành phố thuộc các CSDL quốc gia được số hoá, cập nhật và đưa vào sử dụng hiệu quả; được kết nối, chia sẻ với LGSP thành	100%	100%	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã, đặc khu

STT	Chỉ tiêu đến năm 2030	Mục tiêu năm 2030	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì
	phổ và Trung tâm dữ liệu quốc gia;			
1.16	Tỷ lệ dữ liệu của các sở, ngành được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP;	90%	80%	Các sở, ban, ngành
1.17	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn;	100%	100%	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã, đặc khu
1.18	Tỷ lệ dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức được số hóa và lưu trữ trong cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Đảm bảo các dữ liệu được số hóa toàn bộ và cập nhật liên tục;	100%	100%	Sở Nội vụ
1.19	Tỷ lệ dữ liệu về kết quả xử lý công việc của cán bộ, công chức, viên chức được tích hợp vào phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc của từng cơ quan, đơn vị; áp dụng dữ liệu trong quản lý điều hành công việc trên môi trường số, kiểm tra, đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức đạt 80%;	100%	100%	Sở Nội vụ
1.20	Tỷ lệ dữ liệu về hành chính tư pháp của người dân, bao gồm lý lịch tư pháp, hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, các văn bản pháp luật, thi hành pháp luật, thi hành án, trợ giúp pháp lý, quản lý nghề luật... được số hóa, lưu trữ và cập nhật trong CSDL chuyên ngành;	100%	100%	Sở Tư pháp
1.21	Tỷ lệ các tư liệu lịch sử Đảng bộ thành phố, tư liệu lịch sử, văn hóa được số hóa và ứng dụng công nghệ số để phục vụ lưu trữ, mô phỏng, trình diễn;	100%	90%	Văn phòng Thành ủy

STT	Chỉ tiêu đến năm 2030	Mục tiêu năm 2030	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì
1.22	Tỷ lệ cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối, sử dụng mạng dùng riêng, băng thông siêu rộng;	100%	100%	Các cơ quan Đảng, các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã, đặc khu
1.23	Tỷ lệ các hệ thống cảm biến, giám sát, thiết bị IoT được triển khai mới phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật chung của quốc gia và đảm bảo kết nối, truyền tải dữ liệu tức thời về Trung tâm dữ liệu và Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) thành phố để phục vụ công tác phân tích, điều hành;	100%	100%	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã, đặc khu
1.24	Tỷ lệ hạ tầng Trung tâm dữ liệu và Nền tảng điện toán đám mây của thành phố phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các quy định về an toàn thông tin mạng theo cấp độ;	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an thành phố
1.25	Tỷ lệ các hệ thống CSDL thành phố, CSDL dùng chung, CSDL chuyên ngành của các sở, ban, ngành, địa phương được triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và mô hình bảo vệ 04 lớp, có kết nối đến các CSDL quốc gia trên địa bàn thành phố, đồng thời triển khai các hoạt động bảo vệ an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật về an toàn, an ninh thông tin, cơ yếu và Luật Bảo vệ bí mật nhà nước;	100%	100%	Công an thành phố
1.26	Tỷ lệ hệ thống thông tin của thành phố vận hành trên nền tảng điện toán đám mây;	100%	100%	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã, đặc khu

STT	Chỉ tiêu đến năm 2030	Mục tiêu năm 2030	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì
1.27	Tỷ lệ cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp	100%	100%	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã, đặc khu
1.28	Tỷ lệ đội ngũ lãnh đạo của từng cơ quan, tổ chức có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học, kỹ thuật, chuyển đổi số phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ;	25%	20%	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã, đặc khu
1.29	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của sở, ngành, địa phương được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản;	100%	30%	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã, đặc khu
1.30	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc	100%	70%	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã, đặc khu
1.31	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số nâng cao;	100%	20%	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã, đặc khu
1.32	Xây dựng các Trung tâm điều hành thông minh cấp thành phố (IOC) và địa phương (OC) tích hợp, cung cấp dữ liệu số phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành hiệu, thực thi công và cung cấp dịch vụ công quả trên nhiều lĩnh vực như kinh tế xã hội, an ninh, giao thông, môi trường và dịch vụ công;			Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã, đặc khu
1.33	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch đô thị và nông thôn lập mới được xây dựng, trên nền tảng công nghệ ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS hoá);	100%	80%	Sở Xây dựng, UBND các phường, xã, đặc khu
1.34	Tỷ lệ công trình phục vụ công cộng (dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, giao thông) từ cấp II trở lên áp dụng BIM;	70%	50%	Sở Xây dựng

STT	Chỉ tiêu đến năm 2030	Mục tiêu năm 2030	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì
1.35	Tỷ lệ các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính phủ số phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ.	100%	100%	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã, đặc khu
1.36	Tỷ lệ các sở, ban, ngành, địa phương cung cấp tối thiểu 10 bộ dữ liệu mở chất lượng cao, cập nhật định kỳ tối thiểu 03 tháng/lần.	100%	100%	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã, đặc khu
1.37	Tỷ lệ dữ liệu mở công bố được ghi nhận có lượt truy cập, sử dụng lại hoặc tích hợp vào nền tảng bên ngoài, trong đó có ít nhất 30 sáng kiến đổi mới sáng tạo hoặc sản phẩm dịch vụ kinh tế sử dụng dữ liệu mở do cơ quan nhà nước công bố	70%	50%	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã, đặc khu
1.38	Tỷ lệ các ứng dụng, nền tảng được ban hành theo Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ phải được triển khai sử dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng	100%	80%	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã, đặc khu
2	Về phát triển Kinh tế số:			
2.1	Kinh tế số chiếm tối thiểu 35% - 40% GRDP toàn thành phố;	35% - 40%	27%	Thống kê thành phố
2.2	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ hàng hóa	$\geq 20\%$	$\geq 12\%$	Sở Công Thương
2.3	Thu hút, đưa vào khai thác sử dụng thêm tối thiểu 01 tuyến cáp quang biển quốc tế cập bờ tại Đà Nẵng;	≥ 1	1	Sở Khoa học và Công nghệ
2.4	Thu hút, đưa vào khai thác sử dụng thêm tối thiểu 01 Trung tâm dữ liệu AI tại Đà Nẵng;	≥ 1	1	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Chỉ tiêu đến năm 2030	Mục tiêu năm 2030	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì
2.5	Triển khai dịch vụ mạng di động 5G/6G dùng riêng (5G Private Mobile Network) các khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ thông tin, khu khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, khu thương mại tự do, Trung tâm tài chính, để phục vụ sản xuất thông minh và logistics;			Doanh nghiệp viễn thông
2.6	Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn thành phố đạt trên 90%; chuyển đổi hoàn toàn mạng Internet thành phố sang IPv6, sẵn sàng cho IPv6 only, Internet of Things;	$\geq 90\%$	$\geq 80\%$	Sở Khoa học và Công nghệ
2.7	Triển khai thêm ít nhất 02 khu công nghệ thông tin tập trung;	≥ 2	1	Sở Khoa học và Công nghệ
2.8	Triển khai thí điểm và tiến đến chính thức kinh doanh tài sản số bằng NFT;			Sở Tài chính
2.9	Thu hút một số doanh nghiệp có doanh thu ít nhất 01 tỷ USD đặt trụ sở nghiên cứu, sản xuất tại thành phố;	≥ 1	1	Sở Khoa học và Công nghệ
2.10	Có tối thiểu có 01 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến hoạt động tại thành phố;	≥ 1	1	Sở Khoa học và Công nghệ
2.11	Có ít nhất 01 doanh nghiệp công nghệ số với nhân lực 15.000 người hoặc đạt doanh thu 2 tỷ USD/năm;	≥ 1	1	Sở Khoa học và Công nghệ
2.12	Hình thành AI Incubator và AI Center of Excellence, thu hút tối thiểu 100 doanh nghiệp AI, blockchain, vi mạch bán dẫn;	≥ 100	≥ 30	Sở Khoa học và Công nghệ
2.13	Hình thành, ươm tạo khoảng 30-50 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo từ các công nghệ cốt lõi, công nghệ chiến lược;	30-50	20	Sở Khoa học và Công nghệ
2.14	Số lượng doanh nghiệp thiết kế vi mạch bán dẫn, dịch vụ thiết kế. Thu hút ít nhất 02 doanh nghiệp đóng gói, kiểm thử;	≥ 30	≥ 20	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Chỉ tiêu đến năm 2030	Mục tiêu năm 2030	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì
2.15	Xây dựng và hoàn thành các bộ dữ liệu ngành công nghiệp, thương mại và năng lượng, bao gồm: dữ liệu về mạng lưới sản xuất, truyền tải, tiêu thụ; dữ liệu trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, mạng lưới, chuỗi cung ứng sản xuất cơ bản trong các hoạt động công nghiệp từ nguyên liệu thô tới thành phẩm thương mại; dữ liệu về các trung tâm logistics, vận chuyển, kho bãi; dữ liệu về thị trường thương mại, hành vi tiêu dùng, nhu cầu quảng cáo của các nhãn hàng trên thị trường Đà Nẵng nhằm tối ưu hóa quá trình sản xuất, tiêu thụ hàng hóa của các đơn vị sản xuất, xây dựng các kênh phân phối hàng hóa hiệu quả và giám sát chặt chẽ nhu cầu thị trường,....	100%	90%	Sở Công Thương
2.16	Hoàn thiện CSDL về bảo hiểm xã hội cho người lao động. Dữ liệu chuẩn hóa số lao động điện tử, tích hợp với dữ liệu về học tập suốt đời, dữ liệu về đào tạo nghề của người lao động được triển khai, hoàn thiện cho Tỷ lệ người lao động đóng bảo hiểm xã hội;	100%	90%	Bảo hiểm xã hội
2.17	Tỷ lệ các bộ dữ liệu mở về lực lượng, thị trường lao động việc làm, nhu cầu tuyển dụng lao động và yêu cầu trình độ, kỹ năng tương ứng được cung cấp, cập nhật chính xác, kịp thời; người lao động có thể tiếp cận với dữ liệu về nhu cầu lao động, việc làm của xã hội và được tự động cung cấp gợi ý về danh sách việc làm phù hợp khi bị thất nghiệp;	100%	90%	Sở Nội vụ

STT	Chỉ tiêu đến năm 2030	Mục tiêu năm 2030	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì
2.18	Phát triển thị trường dữ liệu, hoàn thành thí điểm, thử nghiệm tối thiểu 01 sàn giao dịch dữ liệu tạo môi trường mua bán, trao đổi dữ liệu có sự giám sát đảm bảo an toàn, tuân thủ quy định của pháp luật; phát triển các dịch vụ dữ liệu (tổng hợp, phân tích, dán nhãn dữ liệu...);	≥ 1	1	Công an thành phố
2.19	Nghiên cứu, triển khai khu vực phát triển và ứng dụng công nghệ bay không người lái;			Doanh nghiệp công nghiệp số
2.20	Bắt đầu triển khai kinh tế tầm thấp (giao hàng bằng UAV,...);			Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã, đặc khu
2.21	Phần đầu đóng góp của tăng năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 55%;	$\geq 55\%$	$\geq 35\%$	Thống kê thành phố
3	Về phát triển Xã hội số:			
3.1	Tỷ lệ khu vực dân cư thành phố phủ sóng dịch vụ 5G; phủ sóng Tỷ lệ mạng 5G tại các khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ thông tin, khu thương mại tự do;	100%	80%	Doanh nghiệp viễn thông
3.2	Hoàn thành xóa vùng lùm sóng, trắng sóng			Doanh nghiệp viễn thông
3.3	Chính thức triển khai dịch vụ Internet vệ tinh quỹ đạo tầm thấp trên địa bàn thành phố			Doanh nghiệp viễn thông
3.4	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập cáp quang với tốc độ 1Gb/s trở lên;	100%	100%	Doanh nghiệp viễn thông
3.5	Tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi có khả năng tiếp cận internet cáp quang băng thông rộng;	100%	80%	Doanh nghiệp công nghiệp số

STT	Chỉ tiêu đến năm 2030	Mục tiêu năm 2030	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì
3.6	Ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số để góp phần tạo ra ít nhất 05 sản phẩm du lịch mới cho thành phố;	≥ 5	≥ 1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3.7	Có ít nhất 05 trường triển khai mô hình đại học số;	≥ 5	≥ 2	Các cơ sở đào tạo
3.8	Đại học Đà Nẵng trở thành mô hình mẫu quốc gia, vào Top 150 Châu Á; có 60% chương trình đào tạo kỹ thuật – công nghệ giảng dạy bằng tiếng Anh, 50% học phần có thực hành, trải nghiệm, nghiên cứu; tạo 50 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo mỗi năm, thu hút 50 triệu USD/năm cho R&D và đổi mới sáng tạo;	Top 150 Châu Á		Đại học Đà Nẵng
3.9	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số và có năng lực số và công cụ số (máy điện thoại thông minh, chữ ký số, tài khoản thanh toán không dùng tiền mặt; có tài khoản định danh điện tử (VNeID);	$\geq 90\%$	$\geq 70\%$	UBND các phường, xã, đặc khu
3.10	Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo được hỗ trợ thiết bị di động thông minh; Internet băng thông rộng.	$\geq 90\%$	$\geq 80\%$	UBND các phường, xã, đặc khu
3.11	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông;	$\geq 90\%$	$\geq 80\%$	UBND các phường, xã, đặc khu
3.12	Tỷ lệ chi trả, thanh toán các dịch vụ an sinh xã hội qua phương thức thanh toán không dùng tiền mặt / số người đang hưởng chế độ BHXH trên địa bàn thành phố;	$\geq 90\%$	$\geq 80\%$	UBND các phường, xã, đặc khu

STT	Chỉ tiêu đến năm 2030	Mục tiêu năm 2030	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì
3.13	Xây dựng và hoàn thành 100% các bộ dữ liệu ngành nông nghiệp gồm: dữ liệu đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy sản cho các vùng sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố phục vụ các hoạt động sản xuất nông nghiệp; hình thành dữ liệu của toàn bộ chuỗi quy trình sản xuất, kinh doanh, chế biến, quản lý giám sát nguồn gốc, cung ứng các sản phẩm nông nghiệp quan trọng, đảm bảo việc cung cấp thông tin minh bạch, chính xác, đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử;	100%	90%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3.14	Tỷ lệ các di sản văn hóa, di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt được số hóa, lưu trữ đầy đủ dữ liệu và hình thành thư viện số, di sản số, có hiện diện số trên môi trường mạng để mọi người dân, khách du lịch có thể truy cập, tra cứu tìm hiểu thuận lợi trên môi trường số;	90%	30%	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3.15	Tỷ lệ các danh lam thắng cảnh, địa điểm du lịch trong thành phố được hoàn thành việc số hóa, lưu trữ và chia sẻ thông tin đến các nền tảng số để quảng bá, phát triển du lịch.	100%	30%	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3.16	Tỷ lệ các dữ liệu về ngành y tế được số hoá, quản lý thông qua các hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành, quản lý từ cấp thành phố đến cấp xã để phát triển, hoàn thiện CSDL thành phố về y tế, có thể được chia sẻ tới các cơ quan nhà nước khác để sử dụng;	100%	80%	Sở Y tế
3.17	Tỷ lệ các dữ liệu về ngành giáo dục được số hoá, quản lý thông qua các hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành, quản lý từ cấp thành phố đến cấp xã để phát triển, hoàn thiện CSDL thành phố về giáo dục, có thể	100%	90%	Sở Giáo dục và Đào tạo

STT	Chỉ tiêu đến năm 2030	Mục tiêu năm 2030	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì
	được chia sẻ tới các cơ quan nhà nước khác để sử dụng;			
3.18	Tỷ lệ dữ liệu không gian địa lý lĩnh vực tài nguyên và môi trường được số hóa, chuẩn hóa và liên thông, chia sẻ dưới dạng dịch vụ bản đồ và có thể chia sẻ cho các hệ thống thông tin của những lĩnh vực có sử dụng dịch vụ dữ liệu không gian địa lý kết nối, khai thác sử dụng;	100%	90%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3.19	Tỷ lệ dữ liệu giám sát, quan trắc tự động việc xả thải của các Khu công nghiệp, các điểm nóng về ô nhiễm môi trường được trung tâm giám sát tập trung (theo ngành dọc) theo thời gian thực, phục vụ việc phân tích đưa ra các cảnh báo khi có nguy cơ về sự cố môi trường;	100%	90%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3.20	Tỷ lệ dữ liệu về hạ tầng giao thông công cộng và phương tiện giao thông, dữ liệu về kho, bãi và các trung tâm logistics được số hóa, cập nhật kịp thời, hỗ trợ giải quyết tốt những vấn đề khó khăn, vướng mắc của ngành giao thông và đáp ứng được nhu cầu xây dựng chuỗi cung ứng giao nhận kho vận và logistics;	100%	90%	Sở Xây dựng
3.21	Tỷ lệ Tổ Công nghệ số cộng đồng được đào tạo nâng cao nhận thức số, kỹ năng số;	100%	90%	UBND các phường, xã, đặc khu
3.22	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.	80%	50%	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã, đặc khu

STT	Chỉ tiêu đến năm 2030	Mục tiêu năm 2030	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì
3.23	90% phản hồi, góp ý của người dân từ Cổng dịch vụ công quốc gia, mạng xã hội, hệ thống phản ánh hiện trường,... được trợ lý ảo hỗ trợ xử lý.	90%	60%	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã, đặc khu

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

a) Ban hành các chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo thành phố, sở, ngành, địa phương trên môi trường điện tử phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tiễn, mức độ sẵn sàng của các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND thành phố; các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã.

- Thời gian hoàn thành: Tháng 01/2026.

b) Xây dựng các kịch bản chỉ đạo, điều hành trực tuyến

Xây dựng các kịch bản và tổ chức triển khai chỉ đạo, điều hành trực tuyến của Lãnh đạo thành phố về: phòng thủ dân sự; ứng phó sự cố, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy; phòng, chống dịch bệnh khẩn cấp; họp, làm việc, kiểm tra, thị sát trực tuyến các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành giao thông vận tải và các vấn đề phát sinh theo yêu cầu về chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo thành phố.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an thành phố, Sở Y tế, Sở Xây dựng.

- Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND thành phố, Sở KH&CN, các sở, ban, ngành, UBND phường, xã, đặc khu.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

c) Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo điện tử thành phố, sẵn sàng kết nối với Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND thành phố, các sở, ban, ngành, UBND phường, xã, đặc khu.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

d) Hoàn thành, đưa vào hoạt động phân hệ Bảng điều hành (Dashboard) chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội lần thứ I Đảng bộ thành phố, chỉ tiêu kinh tế - xã hội và chỉ tiêu Nghị quyết số 57-NQ/TW trên Trung tâm Giám sát điều hành thông minh (Trung tâm IOC) nhằm theo dõi, giám sát, đo lường trực tuyến phục vụ chỉ đạo, điều hành của Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy..

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND thành phố, các sở, ban, ngành, UBND phường, xã, đặc khu.

- Thời gian hoàn thành: Quý I/2026.

đ) Tổ chức triển khai đánh giá, xếp hạng công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố.

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng Thành ủy.
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Thời gian hoàn thành: Quý IV/2026.

2. Thể chế, chính sách số

a) Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND thành phố; các sở, ngành; UBND phường, xã, đặc khu.
- Thời hạn hoàn thành: Tháng 6/2026.

b) Hỗ trợ, ưu tiên triển khai các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học có tính ứng dụng cao trên cơ sở khai thác công nghệ chuỗi khối trong các ngành, lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành; UBND phường, xã, đặc khu.
- Thời hạn hoàn thành: Năm 2026.

c) Hoàn thành các thủ tục pháp lý, đưa vào hoạt động Phòng thí nghiệm kết hợp sản xuất quy mô nhỏ công nghệ đóng gói tiên tiến vi mạch bán dẫn Lab-Fab.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành.
- Thời hạn hoàn thành: Năm 2026.

d) Hoàn thành các thủ tục đầu tư, tổ chức khởi công xây dựng Không gian đổi mới sáng tạo Đà Nẵng, Phòng Lab về trí tuệ nhân tạo, nâng cấp Trung tâm Công nghệ sinh học.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành.
- Thời hạn hoàn thành: Năm 2026.

đ) Xúc tiến, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo hình thành 02 Phòng thí nghiệm trọng điểm cấp quốc gia tại thành phố Đà Nẵng.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành.
- Thời hạn hoàn thành: Năm 2026.

e) Đẩy mạnh công tác tuyên thông, hướng dẫn, triển khai hiệu quả các nghị định, văn bản hướng dẫn Luật Khoa học Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Luật Công nghiệp Công nghệ số, các chính sách đặc thù, đột phá của thành phố đã ban hành, hỗ trợ kinh phí cho các dự án khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành.
- Thời hạn hoàn thành: Năm 2026.

g) Thúc đẩy hình thành, phát triển mô hình 3 Nhà để giải quyết các bài toán đặc thù của thành phố trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đẩy mạnh thương mại hóa các kết quả, sản phẩm nghiên cứu khoa học, công nghệ; làm chủ công nghệ để phát triển các ứng dụng mang thương hiệu Đà Nẵng.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành.
- Thời hạn hoàn thành: Năm 2026.

3. Hạ tầng số

a) Triển khai thử nghiệm bản sao số đô thị trên địa bàn thành phố..

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Công an thành phố; Sở, ban, ngành, UBND phường, xã, đặc khu.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

b) Phát triển hạ tầng thông minh phục vụ Trung tâm tài chính quốc tế,

Khu thương mại tự do, Cảng Liên Chiểu và các khu công nghiệp, khu công nghệ thông tin tập trung.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp.

- Cơ quan phối hợp: Công an thành phố; Sở, ban, ngành, UBND phường, xã, đặc khu.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

c) Hoàn thành xóa các vùng lốm sổng, thiếu điện trên địa bàn thành phố; tiếp tục xúc tiến triển khai dịch vụ Internet vệ tinh quỹ đạo tầm thấp.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Các doanh nghiệp viễn thông, Công an thành phố; Sở, ban, ngành, UBND phường, xã, đặc khu.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

d) Triển khai thử nghiệm phương tiện bay không người lái trên địa bàn thành phố.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Bộ chỉ huy quân sự thành phố, Công an thành phố; Sở, ban, ngành, UBND phường, xã, đặc khu.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

đ) Triển khai đảm bảo Trung tâm dữ liệu thành phố phục vụ Chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây theo bộ tiêu chí, chỉ tiêu kỹ thuật nền tảng điện toán đám mây phục vụ Chính phủ điện tử/Chính quyền điện tử tại Văn bản số 1145/BTTTT-CATTT ngày 03/4/2020 và bổ sung bộ tiêu chí, chỉ tiêu để đánh giá và lựa chọn giải pháp nền tảng điện toán đám mây phục vụ Chính phủ điện tử/Chính quyền điện tử tại Văn bản số 2612/BTTTT-CATTT ngày 17/7/2021.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Công an thành phố; Sở, ban, ngành, UBND phường, xã, đặc khu.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

e) Tổ chức triển khai Đề án Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố một cấp, đẩy mạnh thực hiện dịch vụ hành chính công chủ động, giải quyết thủ tục hành chính phi địa giới hành chính.

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng UBND thành phố.

- Cơ quan phối hợp: Công an thành phố; Sở, ban, ngành, UBND phường, xã, đặc khu.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

g) Hoàn thành đưa vào hoạt động Tòa nhà ICT 20 tầng Khu Công viên phần mềm số 2 phục vụ hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Sở, ban, ngành.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

4. Nhân lực số

a) Triển khai bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số (sử dụng dữ liệu hỗ trợ ra quyết định, xây dựng chính sách, công tác chỉ đạo điều hành) cho lãnh đạo, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Công an thành phố; Sở, ban, ngành, UBND phường, xã, đặc khu.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

b) Triển khai các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về kiến trúc; dữ liệu, phân tích dữ liệu, an toàn thông tin, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối cho cán bộ, công chức, viên chức, ưu tiên hình thức bồi dưỡng, tập huấn trực tuyến.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Công an thành phố; Sở, ban, ngành, UBND phường, xã, đặc khu.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

c) Triển khai tập huấn kỹ năng số (sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số do chính quyền, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp) cho người dân trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Công an thành phố; Sở, ban, ngành, UBND phường, xã, đặc khu, Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

d) Triển khai tập huấn kỹ năng số, an toàn thông tin cho học sinh các trường THCS, THPT.

- Cơ quan chủ trì: Sở GD&ĐT, UBND phường, xã, đặc khu.

- Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Công an thành phố.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

đ) Hướng dẫn, tập huấn kỹ năng bán hàng qua mạng cho các tiểu thương, hộ kinh doanh

- Đơn vị chủ trì: Sở Công Thương, UBND các phường, xã, đặc khu.
- Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành.
- Thời hạn triển khai: Năm 2026.

e) Tập huấn, tuyên truyền chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới cho các hợp tác xã nông nghiệp, Tổ hợp tác nông nghiệp, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ, phụ nữ khởi nghiệp trên địa bàn các xã thuộc huyện Hoà Vang

- Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp xã.
- Thời hạn triển khai: Năm 2026.

g) Đào tạo, tập huấn, cập nhật kiến thức, kỹ năng về an ninh mạng cho CBCCVC thành phố

- Cơ quan chủ trì: Công an thành phố.
- Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, UBND xã, phường.
- Thời hạn triển khai: Năm 2026.

5. Phát triển dữ liệu số

a) Triển khai 100% cơ quan, địa phương ban hành danh mục và đặc tả cơ sở dữ liệu quản lý nhà nước cơ quan, địa phương.

- Cơ quan chủ trì: Các sở, ngành; UBND phường, xã, đặc khu.
- Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Thời hạn hoàn thành: Tháng 6/2026.

b) Triển khai mỗi cơ quan, địa phương cung cấp thêm mới ít nhất 02 danh mục dữ liệu mở, đảm bảo 100% cơ quan nhà nước phát triển, cung cấp dữ liệu mở theo Danh mục dữ liệu mở thành phố phục vụ cho người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu.

- Cơ quan chủ trì: Các sở, ban, ngành, UBND phường, xã, đặc khu.
- Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Thời gian hoàn thành: Tháng 9/2026.

c) Rà soát, cập nhật Danh mục dữ liệu mở năm 2026 của thành phố Đà Nẵng.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Sở, ban, ngành, UBND phường, xã, đặc khu; cơ quan Trung ương trên địa bàn thành phố.
- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

d) Triển khai dữ liệu mở để các doanh nghiệp, trường học nghiên cứu, sử dụng, tạo ra sản phẩm mới.

- Cơ quan chủ trì: Sở Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Sở, ban, ngành, UBND phường, xã, đặc khu; cơ quan Trung ương trên địa bàn thành phố.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

đ) Số hoá các tài liệu của ngành, địa phương.

- Cơ quan chủ trì: Sở, ban, ngành, UBND phường, xã, đặc khu.

- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ, Sở Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

e) Kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu để hướng tới cắt giảm thành phần hồ sơ, bảo đảm nguyên tắc tổ chức, cá nhân chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Trước mắt, thực hiện kết nối, khai thác và sử dụng ngay các dịch vụ dữ liệu đã sẵn sàng cung cấp trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Công an thành phố, các sở, ban, ngành, UBND phường, xã, đặc khu.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

g) Triển khai hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Nội dung thực hiện theo Kế hoạch số 159/UBND-SKHCN ngày 10/11/2025 của UBND thành phố về hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành trên địa bàn thành phố Đà Nẵng)

6. An toàn thông tin mạng

a) Tổ chức diễn tập thực chiến ứng cứu sự cố ATTT cho cán bộ chuyên trách ATTT trên địa bàn thành phố.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ, Công an thành phố

- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành, UBND phường, xã.

- Thời gian hoàn thành: Tháng 11/2026.

b) Bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ cho các hệ thống thông tin, 100% hệ thống thông tin được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Công an thành phố; Sở, ban, ngành, UBND phường, xã.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

c) Định kỳ tổ chức hoạt động kiểm tra, đánh giá tuân thủ các quy định, giám sát việc thực hiện công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng trong phạm vi quản lý, tối thiểu 01 lần/01 năm; đối với hệ thống thông tin cấp độ 5, tối thiểu 06 tháng/01 lần.

- Cơ quan chủ trì: Các sở, ban, ngành, UBND phường, xã.

- Cơ quan phối hợp: Công an thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

d) Xây dựng kịch bản bảo đảm khả năng phục hồi nhanh cho hệ thống thông tin, các nền tảng số, hạ tầng số quan trọng của thành phố.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ, Công an thành phố.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, UBND phường, xã.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

đ) Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật của Hệ thống thông tin chính quyền điện tử thành phố Đà Nẵng hoạt động ổn định, an toàn, không gián đoạn.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành có liên quan, UBND phường, xã

- Cơ quan phối hợp: Công an thành phố.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

e) Tổ chức triển khai các hoạt động Tiểu Ban An toàn, an ninh mạng thành phố, triển khai các nhiệm vụ theo Thông báo số 06-TB/CQTTBCĐ ngày 27/9/2025 về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương tại phiên họp Thường trực Ban Chỉ đạo về công tác bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu.

- Cơ quan chủ trì: Công an thành phố.

- Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành có liên quan, UBND phường, xã.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

g) Nâng cấp, mở rộng hệ thống giám sát mã độc tập trung thành phố

- Cơ quan chủ trì: Công an thành phố.

- Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành có liên quan, UBND phường, xã.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

7. Chính quyền số

a) Nghiên cứu, tổ chức triển khai tuyển chọn kiến trúc sư trưởng cấp tỉnh, kiến trúc sư trưởng Dự án trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị định số 231/2025/NĐ-CP ngày 26/8/2025 để triển khai thực hiện các sáng kiến, bài toán lớn và công trình, dự án trọng điểm của thành phố theo tinh thần Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 02/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành.
- Thời hạn hoàn thành: Năm 2026.

b) Khai thác, sử dụng hiệu quả CSDL và phần mềm quản lý nhà nước chuyên ngành của các cơ quan, địa phương đã được đầu tư, xây dựng.

- Cơ quan chủ trì: Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã, đặc khu.
- Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Công an thành phố.
- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

c) Triển khai ứng dụng Nền tảng Trợ lý số hỗ trợ rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.
- Cơ quan phối hợp: Sở, ban, ngành, UBND phường, xã.
- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

d) Triển khai, giới thiệu các nền tảng số của doanh nghiệp Đà Nẵng phát triển.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND thành phố; các sở, ngành; UBND quận, huyện, phường, xã; Hiệp hội, doanh nghiệp công nghệ số.
- Thời hạn hoàn thành: Năm 2026.

đ) Triển khai, tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo trong quản lý, điều hành, hỗ trợ hoạt động của CBCC:

- Cơ quan chủ trì: Các sở, ban, ngành, UBND phường, xã.
- Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ.
- Thời hạn hoàn thành: Năm 2026.

e) Phối hợp với các Cục nghiệp vụ Bộ Công an theo hệ lực lượng tiến hành rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền đơn giản hóa quy trình, cắt giảm thành phần hồ sơ TTHC trên các lĩnh vực

- Cơ quan chủ trì: Công an các đơn vị có chức năng giải quyết TTHC.
- Cơ quan phối hợp: Phòng Tham mưu CATP, Công an cấp xã.
- Thời gian dự kiến hoàn thành: Thường xuyên và theo chỉ đạo của Bộ Công an.

8. Kinh tế số

- a) Đo lường kinh tế số theo công cụ, hướng dẫn của Tổng Cục Thống kê.
 - Cơ quan chủ trì: Thống kê thành phố.
 - Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ; Sở, ban, ngành, UBND phường, xã.
 - Thời gian hoàn thành: Năm 2026.
- b) Phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực, ưu tiên các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, du lịch, cảng biển, logistics, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông.
 - Cơ quan chủ trì: Các sở chuyên ngành liên quan.
 - Cơ quan phối hợp: Thống kê thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ, các hiệp hội, doanh nghiệp chuyên ngành.
 - Thời gian thực hiện: Năm 2026
- c) Thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa.
 - Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
 - Cơ quan phối hợp: Thống kê thành phố; Sở, ban, ngành, UBND phường, xã; Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06.
 - Thời gian thực hiện: Năm 2026.
- d) Triển khai thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam trên địa bàn thành phố (theo Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3266/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng).
 - Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
 - Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND thành phố; các sở, ngành; UBND phường, xã; Hiệp hội, doanh nghiệp công nghệ số.
 - Thời hạn thực hiện: Năm 2026.
- đ) Triển khai quảng bá, giới thiệu để nhân rộng sản phẩm Make in DaNang ra các tỉnh, thành.
 - Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
 - Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND thành phố; các sở, ngành; UBND phường, xã; Hiệp hội, doanh nghiệp công nghệ số.

- Thời hạn hoàn thành: Năm 2026.

e) Hướng dẫn và triển khai thực hiện 100% kết nối, chuyển dữ liệu hoá đơn điện tử máy tính tiền của các cơ sở kinh doanh về cơ quan thuế.

- Cơ quan chủ trì: Thuế thành phố Đà Nẵng.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành; UBND phường, xã.

- Thời hạn hoàn thành: Năm 2026.

g) Triển khai hỗ trợ doanh nghiệp về sản xuất thông minh và áp dụng mô hình nhà máy thông minh trong một số ngành công nghiệp chủ lực trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Cơ quan chủ trì: Sở Công Thương.

- Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành; UBND phường, xã.

- Thời hạn thực hiện: Năm 2026.

h) Triển khai ký số hợp đồng điện tử trong các lĩnh vực điện, nước, viễn thông.

- Đơn vị chủ trì: Điện lực Đà Nẵng, Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng, các doanh nghiệp viễn thông.

- Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành; UBND phường, xã.

- Thời hạn triển khai: Năm 2026.

9. Xã hội số

a) Triển khai mỗi người dân (trưởng thành) có một danh tính số, tài khoản số, có một chữ ký số cá nhân để sử dụng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ/tiện ích số.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Công an thành phố, các đơn vị cung cấp chữ ký số công cộng; Sở, ban, ngành, UBND phường, xã; Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

b) Triển khai mỗi hộ kinh doanh, mỗi người dân (trưởng thành) có một tài khoản thanh toán không dùng tiền mặt.

- Cơ quan chủ trì: UBND các phường, xã, đặc khu.

- Cơ quan phối hợp: Ngân hàng nhà nước, các ngân hàng, tổ chức tín dụng; Sở, ban, ngành; Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

c) Triển khai mỗi người dân được hướng dẫn, phổ cập kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản.

- Cơ quan chủ trì: UBND các phường, xã, đặc khu.
- Cơ quan phối hợp: Công an thành phố; Sở, ban, ngành; Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06.
- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

d) Triển khai trường học số theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030"; ưu tiên trong công tác quản lý, quản trị nhà trường; trong công tác giảng dạy và học tập; triển khai và sử dụng hồ sơ học bạ điện tử.

- Cơ quan chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo.
- Cơ quan phối hợp: Các trường học; Sở, ban, ngành, UBND phường, xã.
- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

đ) Triển khai bệnh viện số, ưu tiên phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; triển khai và sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử, tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt.

- Cơ quan chủ trì: Sở Y tế.
- Cơ quan phối hợp: Các bệnh viện; Sở, ban, ngành, UBND phường, xã;
- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

e) Trợ lý ảo 24/7: Phát triển chatbot AI thể hệ mới (LLM) tích hợp trên các hệ thống, ứng dụng của thành phố (ví dụ: Danang Smart City, trang thông tin điện tử các cơ quan, địa phương,...), giúp người dân giải đáp thủ tục hành chính, tra cứu luật và hướng dẫn dịch vụ công bằng giọng nói (tiếng địa phương).

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ
- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành, UBND phường, xã, đặc khu;
- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

g) Thiết lập, phát triển Không gian chuyển đổi số, trải nghiệm sản phẩm số, dịch vụ công nghệ số để tổ chức, người dân dễ dàng tiếp cận, trực tiếp trải nghiệm thực tế; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số trên địa bàn quận Hải Châu.

- Cơ quan chủ trì: UBND các phường, xã, đặc khu.
- Cơ quan phối hợp: Trung tâm IOC thành phố, Sở, ban, ngành, UBND

phường, xã; Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06; doanh nghiệp công nghệ số

- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

h) Tổ chức chuẩn hóa thông tin đăng ký thuế của cá nhân làm cơ sở triển khai nâng cấp, mở rộng các ứng dụng đáp ứng việc sử dụng mã định danh cá nhân làm mã số thuế cá nhân theo quy định của Luật quản lý thuế

- Cơ quan chủ trì: Thuế Đà Nẵng.

- Cơ quan phối hợp: Công an thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026

i) Tiếp tục đẩy mạnh, triển khai hiệu quả Phong trào Bình dân học vụ số gắn với học tập số; tổng hợp các mô hình, cách làm hay, điển hình, bài học kinh nghiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để đề xuất động viên, biểu dương khen thưởng kịp thời và triển khai nhân rộng.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan chủ trì: UBND các phường, xã, đặc khu.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026

10. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

a) Hướng dẫn triển khai truyền thông, hướng dẫn chuyển đổi số qua các kênh truyền thông; phát hiện, tôn vinh, phổ biến các câu chuyện, bài học, mô hình chuyển đổi số thành công.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND thành phố; các sở, ngành; UBND phường, xã; Hiệp hội, doanh nghiệp công nghệ số; các trường, cơ sở đào tạo.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

b) Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia 10/10.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, UBND phường, xã, Hiệp hội, doanh nghiệp công nghệ số; các trường, cơ sở đào tạo.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

c) Hội nghị quán triệt, hướng dẫn áp dụng Tiêu chuẩn quốc gia về an ninh mạng TCVN 14423:2025 cho các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, CBCCVC thành phố.

- Cơ quan chủ trì: Công an thành phố.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, UBND phường, xã, Hiệp hội, doanh nghiệp công nghệ số; các trường, cơ sở đào tạo.

11. Hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế

a) Tổ chức "Tuần lễ AI Đà Nẵng", kết nối các chuyên gia toàn cầu và doanh nghiệp công nghệ để giải quyết các bài toán đặc thù của thành phố.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, UBND phường, xã, Hiệp hội, doanh nghiệp công nghệ số; các trường, cơ sở đào tạo.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số thành phố Đà Nẵng

a) Chỉ đạo, đôn đốc, điều phối chung việc triển khai Kế hoạch Chuyển đổi số thành phố năm 2026 và các hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn thành phố.

b) Định kỳ tổ chức các phiên họp Ban Chỉ đạo để rà soát tiến độ triển khai, chỉ đạo xử lý kịp thời các khó khăn vướng mắc phát sinh.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan thường trực, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá, tổng hợp tình hình triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch này; định kỳ báo cáo UBND thành phố.

b) Tham mưu tổ chức các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số thành phố Đà Nẵng.

c) Chủ động nắm bắt, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Kế hoạch và phối hợp với các ngành, địa phương tìm phương án giải quyết, báo cáo Ban Chỉ đạo, UBND thành phố xem xét, quyết định.

3. Công an thành phố

Chủ trì, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá, tổng hợp tình hình triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ liên quan đến Đề án 06 tại Kế hoạch này; định kỳ hàng tháng báo cáo UBND thành phố.

4. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, trên cơ sở đề xuất dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Tài chính tham mưu UBND thành phố xem xét, bố trí kinh phí để thực hiện theo quy định.

5. Các sở, ban, ngành; UBND các phường, xã, đặc khu; các cơ quan Trung ương trên địa bàn thành phố, Hiệp hội, Hội các ngành nghề/lĩnh vực

a) Tổ chức quán triệt Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, các doanh nghiệp, người dân; xây dựng kế hoạch chi tiết và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được phân công, đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả, định kỳ báo cáo UBND thành phố (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ) tiến độ thực hiện trước ngày 30 tháng cuối cùng của từng Quý và ngày 15/12/2026.

b) Trên cơ sở nội dung Kế hoạch đã được phê duyệt, xây dựng dự toán kinh phí đảm bảo triển khai hiệu quả nhiệm vụ được giao, gửi Sở Tài chính thẩm định, tham mưu UBND thành phố bố trí kinh phí thực hiện theo đúng quy định; đồng thời chủ động huy động các nguồn kinh phí khác (ODA, xã hội hóa, ...) để thực hiện nhiệm vụ.

6. Các Hiệp hội, Hội và doanh nghiệp công nghệ số

a) Triển khai các hoạt động nghiên cứu, xây dựng các nền tảng, giải pháp công nghệ hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ.

b) Chủ động đề xuất, tham gia hỗ trợ các doanh nghiệp ngành nghề khác và người dân, khách hàng của mình trong chuyển đổi số.

7. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung; các sở, ngành, địa phương chủ động phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ để báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm 2026; yêu cầu Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các phường, xã và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBQG về CDS, Bộ KH&CN, VPCP (b/c);
- TTTU, TTHĐND TP (b/c);
- CT, các PCT UBND TP;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các phường, xã, đặc khu;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn TP;
- Các thành viên BCD CDS TP;
- VP Chuyển đổi số Thành phố;
- Hội đồng Chuyên gia tư vấn CDS TP;
- Báo và PT TH Đà Nẵng;
- Công TTĐT TP, Trung tâm IOC;
- Lưu: VT, SKHCN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Quang Bửu

Phụ lục I

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ
CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /12/2025 của
UBND thành phố Đà Nẵng)

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

STT	Chỉ tiêu	Kết quả năm 2024	Mục tiêu 2025	Cơ quan chủ trì	Kết quả thực hiện (đến ngày 20/12/2025)
I	Chính quyền số				
1	Tỷ lệ dịch vụ hành chính công đủ điều kiện triển khai toàn trình	100%	100%	Văn phòng UBND thành phố, Sở KH&CN	Đã hoàn thành 100%
2	Tỷ lệ dịch vụ DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	96%	~100%	Văn phòng UBND thành phố, Sở KH&CN	91% (547/602 DVCTT có phát sinh hồ sơ)
3	Tỷ lệ hồ sơ DVC trực tuyến	94%	90%	Văn phòng UBND thành phố, Sở KH&CN	79,6% (690.914/ 867.858 hồ sơ)
4	Tỷ lệ hồ sơ DVC trực tuyến toàn trình	65%	75%	Văn phòng UBND thành phố, Sở KH&CN	67% (198.743/ 296.747)
5	Tỷ lệ dịch vụ ngoài một cửa, nội bộ cung cấp mức 4 (toàn trình)	100%	100%	Các sở, ban, ngành, phường, xã	Đang triển khai
6	Tỷ lệ hồ sơ được xử lý hoàn toàn trực tuyến, toàn trình		80%	Các sở, ban, ngành, phường, xã	Đang triển khai
7	TTHC được cắt giảm thông qua kế thừa dữ liệu số	9,9%	20%	Văn phòng UBND thành phố, Các sở, ban, ngành, phường, xã	20% Thành phố đã kế thừa dữ liệu số từ việc sử dụng dữ liệu của kho dữ liệu số thành phố, CSDL quốc gia về dân cư, CSDL quốc gia về doanh nghiệp để cắt giảm, không yêu cầu

STT	Chỉ tiêu	Kết quả năm 2024	Mục tiêu 2025	Cơ quan chủ trì	Kết quả thực hiện (đến ngày 20/12/2025)
					người dân nộp các thành phần hồ sơ đã có dữ liệu và khai thác được.
8	Tỷ lệ sử dụng Hợp đồng điện tử trong các dịch vụ công (điện)		100%	Công ty Điện lực Đà Nẵng;	Đang triển khai
9	Tỷ lệ sử dụng biên lai/phiếu thu/ hoá đơn điện tử khi thu phí dịch vụ công		100%	Các sở, ban, ngành, phường, xã	Đang triển khai
10	Dịch vụ cấp lại, cấp đổi được thực hiện ngay trong ngày (đối với các thủ tục không tiến hành xác minh thực tế)	9%	100%	Các sở, ban, ngành, phường, xã	Đang triển khai
11	Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực	100% kết quả mới năm 2024 và 56% kết quả năm 2020-2022	100%	Các sở, ban, ngành, phường, xã	84,5% (số liệu từ Cổng Dịch vụ công quốc gia)
12	Kết quả giải quyết TTHC (số) được sử dụng lại	05	15	Các sở, ban, ngành, phường, xã	Đang triển khai
13	Mỗi người dân trưởng thành có tài khoản số và 01 kho dữ liệu số cá nhân trên hệ thống	~50%	100%	Sở KH&CN	Đang triển khai
14	Tỷ lệ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trực tuyến	100% cơ quan, địa phương	100% cơ quan, địa phương	Các sở, ban, ngành, phường, xã	Đang triển khai
15	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ	90%	100%	Các sở, ban, ngành,	Còn 03 cơ quan chưa cung cấp dữ

STT	Chỉ tiêu	Kết quả năm 2024	Mục tiêu 2025	Cơ quan chủ trì	Kết quả thực hiện (đến ngày 20/12/2025)
	liệu mở			phường, xã	liệu mở lên Cổng dữ liệu thành phố gồm: Thống kê thành phố, Thanh tra thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo
16	Sử dụng eform trong khảo sát, thống kê, thu thập thông tin		90%	Các sở, ban, ngành, phường, xã	Đang triển khai
17	Công tác báo cáo được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo quốc gia		100%	Các sở, ban, ngành, phường, xã	Đang triển khai
18	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các bộ, ngành, địa phương kết nối với EMC	100%	100%	Các sở, ban, ngành, phường, xã	Đang triển khai
19	Tỷ lệ cơ quan, địa phương sử dụng Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ	100%	100%	Các sở, ban, ngành, phường, xã	Đang triển khai
20	Xây dựng, ban hành Kiến trúc ứng dụng CNTT-TT chuyên ngành		100%	Các sở, ngành	Thông tin số Quyết định ban hành
21	Thực hiện kết nối, khai thác và sử dụng ngay các dịch vụ dữ liệu đã sẵn sàng cung cấp trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP)		100%	Các sở, ban, ngành, Cơ quan Trung ương trên địa bàn thành phố	Đang triển khai
22	Áp dụng mã QR trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định		30%	Các sở, ban, ngành, phường, xã	Đang triển khai

STT	Chỉ tiêu	Kết quả năm 2024	Mục tiêu 2025	Cơ quan chủ trì	Kết quả thực hiện (đến ngày 20/12/2025)
23	Các chỉ tiêu thống kê của các sở, ngành, địa phương, được cung cấp phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành dưới dạng dữ liệu số		100%	Các sở, ban, ngành, phường, xã	Đang triển khai
24	Hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý		50%	Các sở, ban, ngành, phường, xã	Đang triển khai
25	Hoàn thành cơ bản chính quyền số tại 01 quận/huyện và 10 phường/xã tại 07 quận/huyện		01 quận/huyện và 10 phường/xã tại 07 quận/huyện	UBND các phường, xã	(Sẽ tiếp tục triển khai sau khi có hướng dẫn mới của Bộ KH&CN)
II	Kinh tế số				
1	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	90,6%	100%	Sở KH&CN	Đã hoàn thành
2	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử (ký số)		70%	Sở KH&CN	Đã hoàn thành
3	Tỷ trọng Kinh tế số trong GRDP	20,69%	22%	Sở KH&CN	Kinh tế số thành phố Đà Nẵng (trước sắp xếp) chiếm khoảng 24% GRDP thành phố
4	Tỷ trọng công nghiệp ICT trong GRDP	12%	14%	Sở KH&CN	Đang triển khai
5	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử	100%	100%	Thuế thành phố	Đang triển khai

STT	Chỉ tiêu	Kết quả năm 2024	Mục tiêu 2025	Cơ quan chủ trì	Kết quả thực hiện (đến ngày 20/12/2025)
6	Tỷ lệ hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế	87,51%	100%	Thuế thành phố	Đang triển khai
7	Tỷ trọng doanh số thương mại điện tử B2C (tính cho cả hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trực tuyến) so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của thành phố		10%	Sở Công Thương; Thống kê thành phố	Đang triển khai
8	Bộ dữ liệu số/mở tạo ra giá trị, sản phẩm mới	20	50 bộ	Sở KH&CN	Đang triển khai
9	Số lượng doanh nghiệp công nghệ số/1000 dân	2,3	3	Sở KH&CN	Đang triển khai
10	Tỷ lệ nhân lực công nghệ số trong lực lượng lao động	7,7%	8,5%	Sở KH&CN	Đang triển khai
11	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng số cho hoạt động điều hành		30%	Sở KH&CN	Đang triển khai
12	Số lượng Nền tảng số do doanh nghiệp Đà Nẵng phát triển		10	Sở KH&CN	Đang triển khai
III	Xã hội số				
1	Tỷ lệ người dân trưởng thành có điện thoại thông minh	~100%	100%	UBND các phường, xã, Sở KH&CN	Đang triển khai
2	Tỷ lệ thuê bao điện thoại di	86,3%	95%	UBND các phường, xã,	Đang triển khai

STT	Chỉ tiêu	Kết quả năm 2024	Mục tiêu 2025	Cơ quan chủ trì	Kết quả thực hiện (đến ngày 20/12/2025)
	động sử dụng điện thoại thông minh			Sở KH&CN	
3	Tỷ lệ hộ gia đình có sử dụng điện thoại thông minh		100%	UBND các phường, xã, Sở KH&CN	Đang triển khai
4	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng	98,8%	99%	UBND các phường, xã, Sở KH&CN	Đang triển khai
5	Phủ sóng dịch vụ 5G	26%	50%	UBND các phường, xã, Sở KH&CN	Đang triển khai
6	Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	~100%	100%	Sở KH&CN	Đang triển khai
7	Tỷ lệ người dân có mã ID y tế duy nhất và hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân	~100%	100%; có áp dụng thực tế	Sở Y tế	Đã hoàn thành
8	Tỷ lệ cơ sở khám chữa bệnh triển khai thanh toán viện phí trực tuyến không dùng tiền mặt	100%	100%; có phát sinh 50% thanh toán	Sở Y tế	Đã hoàn thành
9	Tỷ lệ học sinh có mã ID và hồ sơ học bạ điện tử	~100%	100%; có áp dụng thực tế	Sở GD&ĐT	Đang triển khai
10	Tỷ lệ trường học triển khai thanh toán học phí trực tuyến không dùng tiền mặt	100%	100%; có phát sinh 50% thanh toán	Sở GD&ĐT	Đã hoàn thành
11	Tỷ lệ người dân có chữ ký số		50%	Các sở, ban, ngành, phường, xã	Đang triển khai
12	Tỷ lệ hộ gia đình có địa chỉ số	~50%	100%	Sở KH&CN	
13	Tỷ lệ chợ thanh	100%	100%	Các sở, ban,	Đã hoàn thành

STT	Chỉ tiêu	Kết quả năm 2024	Mục tiêu 2025	Cơ quan chủ trì	Kết quả thực hiện (đến ngày 20/12/2025)
	toán không dùng tiền mặt			ngành liên quan, phường, xã	
14	Tỷ lệ tuyến phố kinh doanh không dùng tiền mặt	80%	100%	UBND các phường, xã	Đang triển khai
15	Tỷ lệ các trường THCS, THPT được tập huấn ít nhất 01 lần về chuyển đổi số, an toàn thông tin	60%	100%	Sở GD&ĐT, UBND các phường, xã	Đang triển khai
16	Tỷ lệ các thôn, bản đang lõm sóng và đã có điện lưới quốc gia được phủ sóng băng rộng di động	100%	100%	UBND các phường, xã, Sở KH&CN	Đang triển khai

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ

1. Về cơ chế, chính sách

Bộ Chính trị đã sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW và ban hành Kết luận số 79-KL/TW ngày 13/5/2024, trong đó nhấn mạnh nhiệm vụ “*Triển khai hiệu quả chuyển đổi số để phát triển các ngành, lĩnh vực mới,.. “phát triển lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông, Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và vi mạch bán dẫn”*; “*Tiếp tục phát triển dịch vụ đô thị thông minh, thương mại điện tử*”.

Đặc biệt, **Nghị quyết số 136/2024/QH15** của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù đã mở “đường băng” để Đà Nẵng phát triển mạnh công nghiệp công nghệ số; đặc biệt là tbút phá với các mô hình mới như Trung tâm Tài chính quốc tế, Khu Thương mại tự do, thử nghiệm đổi mới sáng tạo, thu hút đầu tư chiến lược trong lĩnh vực bán dẫn, trí tuệ nhân tạo.

Những định hướng này vừa là **cơ hội vàng**, vừa là **thách thức lớn**, đòi hỏi sự nỗ lực, sáng tạo, quyết tâm cao của tất cả người dân, doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước để đưa thành phố tiến nhanh trên con đường phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Về chính quyền số

2.1 Tại thành phố Đà Nẵng tiếp cận triển khai chuyển đổi số **không chỉ cho thủ tục hành chính** (của Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu) **mà còn**

trong cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công do các đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp.

Thành phố Đà Nẵng triển khai cung cấp dịch vụ công dựa trên công nghệ số và khai thác, kế thừa dữ liệu số; đặc biệt chú trọng các giải pháp triển khai để thuận lợi, người dân, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng. Một số giải pháp tiêu biểu như: có kế hoạch chi tiết hàng năm, Xác định vai trò Thủ trưởng các cơ quan, địa phương, Triển khai chính sách miễn giảm phí, lệ phí để thúc đẩy sử dụng DVCTT, Triển khai mô hình “Đại lý DVCTT” và Tổ chức tổng đài đường dây nóng để giúp người dân nộp hồ sơ, Giám sát, cảnh báo tình hình xử lý hồ sơ TTHC từ Trung tâm IOC, gắn QR vào kết quả giải quyết TTHC điện tử và sử dụng như bản giấy.

Theo đánh giá, đo lường và công bố của Bộ Khoa học và Công nghệ; Đà Nẵng là địa phương có kết quả **triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) nhất toàn quốc**, có nhiều mô hình, giải pháp, cách làm hay, hiệu quả nổi bật; được chọn là mô hình điểm để tổng kết, nhân rộng toàn quốc tại Hội nghị chuyên đề “Nâng cao hiệu quả cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến” do Thủ tướng Chính phủ chủ trì vào ngày 31/8/2024. Tại thời điểm đó, tỷ lệ DVCTT toàn trình của thành phố Đà Nẵng cao nhất cả nước với 95% (trung bình tỉnh thành là 55%); tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến toàn trình là 65% (trung bình tỉnh thành là 17%).

Sau khi sáp nhập, tổ chức mô hình chính quyền địa phương, đến 30/10/2025; kết quả cung cấp DVCTT như sau: Đã triển khai 2.118 DVCTT trên tổng số 2.226 TTHC, đạt tỷ lệ 95%. Trong đó, 100% TTHC đủ điều kiện đã triển khai 1.033 DVCTT toàn trình.; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 77,5%, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt 66%.

2.2 Công tác lãnh đạo, điều hành của thành phố được từng bước chuyển đổi sang môi trường số dựa trên dữ liệu số thông qua Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh thành phố (giai đoạn 1), góp phần nâng cao hiệu quả cải cách, hiện đại hóa nền hành chính; theo đó đến nay Trung tâm IOC Đà Nẵng đã cung cấp **15 nhóm dịch vụ thông minh** với **khoảng 160 loại số liệu, biểu đồ và 50 loại cảnh báo**. Tất cả các sở, ngành, UBND xã, phường (sau sáp nhập) đều dùng chung số liệu trên nền tảng của Trung tâm IOC thành phố.

2.3 Hệ thống camera giám sát giao thông thông minh trên địa bàn thành phố, giám sát tình hình giao thông theo thời gian thực tại hơn 300 vị trí, tuyến đường, nút giao thông trọng điểm; kết nối chia sẻ dữ liệu về Công an thành phố phục vụ công tác xử lý các hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông; chia sẻ về Trung tâm giám sát điều hành thành phố thông minh (Trung tâm IOC) phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của thành phố.

2.4 Ngoài thủ tục hành chính công, TP. Đà Nẵng đã cung cấp trực tuyến các dịch vụ sự nghiệp liên quan đến đời sống an sinh của dân (đấu nối điện chiếu sáng, chặt, tỉa cây xang, thuê nhà chung cư, ...) và các doanh nghiệp nhà nước triển khai cung cấp dịch vụ trực tuyến, toàn trình (như **100% dịch vụ điện** sang phương thức giao dịch điện tử, loại bỏ hoàn toàn các thủ tục, giấy tờ truyền

thông; ngành thuế cung cấp hầu hết thủ tục hành chính ở mức độ toàn trình (**136 thủ tục**).

2.5 Các chỉ tiêu chuyển đổi số đặt ra đến năm 2025 theo Nghị quyết số 05-NQ/TU và Đề án Chuyển đổi số đã cơ bản hoàn thành đúng và sớm hạn, tiêu biểu như: 100% văn bản điện tử được ký số, gửi nhận liên thông (trừ văn bản mật); 100% cơ quan cung cấp dữ liệu mở; cung cấp 1.400 bộ dữ liệu mở của cơ quan nhà nước trên Cổng Dữ liệu mở thành phố để người dân, doanh nghiệp khai thác, sử dụng (vượt chỉ tiêu năm 2025 là 1000 bộ dữ liệu mở),

2.6 Đặc biệt, Thành phố Đà Nẵng đã sẵn sàng và triển khai kịp thời, hoàn thành chuyển đổi, nâng cấp hạ tầng, cơ sở dữ liệu, các hệ thống thông tin, .. phục vụ tốt vận hành ổn định, hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

3. Về kinh tế số

3.1 Năm 2024, tổng doanh thu kinh tế số lõi đạt **39.888 tỷ đồng**, tăng **9,07%** so với năm 2023. Kim ngạch xuất khẩu phần mềm đạt 165 triệu USD, tăng 11,6% so với năm 2023. Kinh tế số đóng góp khoảng 24% GRDP thành phố, hoàn thành chỉ tiêu trước 02 năm so với Nghị quyết về Chuyển đổi số của thành phố (chỉ tiêu đề ra năm 2025 là 20%).

3.2 Thành phố hiện có khoảng 2,3 doanh nghiệp công nghệ số/1000 dân⁵, tổng nhân lực CNTT thành phố tính đến cuối năm 2023 khoảng 53.000 người, chiếm 8,5% trong tổng lực lượng lao động toàn thành phố (trung bình toàn quốc là 3,7%). Trong đó có 22.000 lao động trong lĩnh vực phần mềm và nội dung số, chiếm 45% trong tổng số lao động CNTT (toàn quốc khoảng 15%); lương bình quân đạt 18 triệu đồng/người/tháng.

3.3 Các doanh nghiệp công nghệ số địa phương phát triển lớn mạnh, từng bước làm chủ công nghệ, phát triển các sản phẩm nền tảng, ứng dụng Make in Da Nang được các giải thưởng quốc gia, quốc tế và đã triển khai nhân rộng tại nhiều địa phương khác; tạo nền tảng để phát triển các lĩnh vực mũi nhọn mới như vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo.

Doanh nghiệp công nghệ số thành phố tiếp tục có nhiều sản phẩm chủ lực và đạt giải thưởng lớn, như: Nền tảng Cảng Chuyển đổi số ePort và Giải pháp tự động hóa ứng dụng công nghệ RPA của Công ty Irtech đạt Giải thưởng Sao Khuê 2022; Nền tảng chuyển đổi số ngành dệt may của Công ty Retex là 1 trong 5 sản phẩm đạt Giải thưởng Viet Solutions 2022; 04 sản phẩm được trao Giải thưởng Sản phẩm Make in Viet Nam năm 2022 gồm: Giải pháp Green Data của Công ty Cổ phần CNTT Toàn cầu Xanh; Giải pháp ERP của Công ty CP Phần

⁵ Đứng thứ hai sau TP. Hồ Chí Minh; cao gấp 03 lần tỷ lệ trung bình cả nước là 0,7 doanh nghiệp CNS/1.000 dân).

mềm quản lý Doanh nghiệp, Sản phẩm công tơ điện tử và Trạm sạc nhanh cho ô tô điện của Tổng công ty Điện lực miền Trung. Sản phẩm Sàn thương mại điện tử Selly của Công ty TNHH Selly đạt Giải thưởng Sao Khuê năm 2023 cho hạng mục dành cho các sản phẩm, giải pháp khởi nghiệp số. Công ty TNHH Công nghệ XB đạt giải Nhì cuộc thi Thử thách đổi mới sáng tạo Qualcomm® Việt Nam (QVIC - Qualcomm Vietnam Innovation Challenge) với Công nghệ giao hàng bằng máy bay không người lái dựa trên kết nối di động.

3.4 Năm 2024, các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số của doanh nghiệp CNTT thành phố được vinh danh tại Giải thưởng Sao Khuê năm 2024 như Sản phẩm Helax (ứng dụng di động chăm sóc sức khỏe tinh thần tiên tiến cho sinh viên) và Dịch vụ xuất khẩu dịch vụ CNTT (ITO) và phát triển phần mềm của Công ty Cổ phần tư vấn DataHouse Asia; Sản phẩm VeryPay - Nền tảng công nghệ thanh toán di động – Mobile Money Technology Solutions và Dịch vụ Xuất khẩu phần mềm của Công ty TNHH SmartDev. Ứng dụng Smartos được vinh danh trong Top 10 Startup của Cuộc thi Khởi nghiệp HK Tech 300 Đông Nam Á. Có 02 công ty khởi nghiệp Delta X và Vox Cool vào top 10 của Thử thách đổi mới sáng tạo Qualcomm® Việt Nam năm 2024.

Năm 2025, Công ty TNHH Rainscales Vietnam đạt giải nhất Thử thách Đổi mới Sáng tạo Qualcomm Việt Nam (QVIC) 2025 với sản phẩm eMagicEyes, một giải pháp AI Vision thế hệ mới giúp tối ưu hóa cách doanh nghiệp quản lý rủi ro và vận hành.

Năm 2024 và năm 2025, Thành phố Đà Nẵng tiếp tục ưu tiên đầu tư hạng tầng số để phục phát triển kinh tế số, khởi nghiệp và sandbox như: Đưa vào hoạt động Công viên phần mềm số 2 ; Đang triển khai Dự án Đầu tư hạ tầng tính toán phục vụ nghiên cứu phát triển thiết kế chip vi mạch bán dẫn và trí tuệ nhân tạo (Phòng Lab về trí tuệ nhân tạo); kinh phí 200 tỷ đồng); Đang triển khai Dự án Phòng thí nghiệm kết hợp sản xuất quy mô nhỏ công nghệ đóng gói tiên tiến vi mạch bán dẫn (Lab-Fab), kinh phí đầu tư 1.800 tỷ đồng; Đang triển khai Trung tâm dữ liệu AI xử lý cho các bài toán AI/Big Data quy mô 1.000 rack, công suất ~10 MW), tổng vốn khoảng 200 triệu USD từ nhà đầu tư...: đang triển khai thêm 02 tuyến cáp quang quốc tế (01 trạm trên đất liền và 01 trạm cáp biển).

3.5 Chương trình Hacker Residency Đà Nẵng 2025

Chương trình Hacker Residency Da Nang 2025 (Lưu trú Khởi nghiệp Đà Nẵng), diễn ra từ 01-30/11/2025 và kết thúc bằng sự kiện Demo Day vào chiều 29/11/2025 tại bán đảo Sơn Trà đã được đánh giá là một thử nghiệm thành công dành cho các lập trình viên độc lập (Indie Hacker) và nhà phát triển sản phẩm AI (AI-native builders). Mục tiêu của chương trình là thu hút startup công nghệ quốc tế đến làm việc tại Đà Nẵng và tăng cường kết nối hệ sinh thái khởi nghiệp địa phương.

Chương trình đã thu hút hơn **400 hồ sơ đăng ký** từ hơn **25 quốc gia**, bao gồm Mỹ, Singapore, Hàn Quốc, và Ấn Độ. **13 đội xuất sắc nhất** (với 3 đội từ Việt Nam) đã được chọn để tham gia Demo Day. **Với trọng tâm AI, 10/13 dự án** được chọn sử dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) làm cốt lõi (AI-native), bao gồm các

sản phẩm viết code tự động (vibe coding) và trợ lý ảo tự hành (AI agents). Sự kiện Demo Day đã thu hút sự quan tâm của các Quỹ đầu tư mạo hiểm uy tín như Zinance Ventures, Antler, và Golden Gate Ventures. Một số đội đã nhận được lời giới thiệu đến nhà đầu tư (VC intro).

Hacker Residency Da Nang 2025 đã khai thác không gian sống lý tưởng tại thành phố Đà Nẵng để giúp các nhà phát triển (builder) tập trung, gắn kết và tạo đà hưng phấn phát triển sản phẩm độc đáo, hiệu quả. Kết quả chương trình này kỳ vọng sẽ giúp Đà Nẵng khẳng định vị thế là một trung tâm đổi mới sáng tạo năng động và có khả năng lọt top 500 trên bản đồ khởi nghiệp toàn cầu StartupBlink vào năm 2026.

3.6 Thành phố Đà Nẵng đã sớm hoàn thành triển khai hóa đơn điện tử (kể từ ngày 01/7/2022) theo quy định bắt buộc sử dụng hóa đơn điện tử trong giao dịch. Tổng số doanh nghiệp đã đăng ký, sử dụng HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền: Doanh nghiệp: **74,4%**; Hộ kinh doanh: **97,8%**.

4. Về xã hội số

4.1 Thành phố Đà Nẵng đã tổ chức phát động Phong trào Bình dân học vụ số gắn với học tập số⁶, phát động Phong trào Cả nước thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Công tác tuyên truyền về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và Phong trào Bình dân học vụ số được triển khai với nhiều hoạt động, tài liệu, phóng sự, ấn phẩm truyền thông, nội dung, hình thức đa dạng, phong phú. Sở Khoa học và Công nghệ đã chủ động xây dựng Cổng thông tin Bình dân học vụ số thành phố⁷, đưa thông tin hướng dẫn để người dân tiếp cận; xây dựng chuyên mục “Bình dân học AI” để phổ cập kiến thức về trí tuệ nhân tạo (AI) cho cộng đồng, cung cấp công cụ hỗ trợ trực tuyến để người dân có thể tự học tập nâng cao kỹ năng, kiến thức về chuyển đổi số, công nghệ số. Thành ủy, UBND thành phố đã tổ chức các hội nghị tập huấn ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho các cơ quan đảng, chính quyền và doanh nghiệp thành phố. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tổ chức triển khai mô hình “Tổ tuyên truyền chuyển đổi số và Phong trào Bình dân học vụ số”, mô hình “Đại sứ số”, mô hình “Chợ số”⁸, mô hình “Mỗi công dân – Một danh tính số”, mô hình “Tổ công nghệ số cộng đồng”, mô hình “Tổ Thanh niên xung kích Đề án 06”⁹, Chiến dịch Thanh niên chung tay phổ cập kỹ năng số,... để lan tỏa kỹ năng số, công nghệ số đến người dân, doanh nghiệp.

⁶ Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 28/5/2025

⁷ Tại địa chỉ binhdanhocvuso.danang.gov.vn

⁸ Mô hình “Chợ số”: Thành phố đã xây dựng Sàn Thương mại điện tử và ứng dụng di động (tại địa chỉ danangtrade.com.vn/danangtrade.gov.vn) nhằm giúp cho các doanh nghiệp giới thiệu, quảng bá sản phẩm và kinh doanh trên môi trường trực tuyến (đến nay đã có hơn 1.770 doanh nghiệp và 2.582 sản phẩm tham gia trên Sàn); xây dựng bản đồ mua sắm trực tuyến, triển khai giải pháp triển lãm ảo và hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã xúc tiến bán hàng trực tuyến. Hầu hết các chợ trên địa bàn thành phố đã triển khai thanh toán không dùng tiền mặt; trang bị mã VietQR kết nối với các ngân hàng và ví điện tử, tài khoản Mobile Money.

⁹ Tính đến ngày 27/5/2025, 120 đội hình “Tổ Thanh niên xung kích Đề án 06” với hơn 1.000 ĐVTN đã tuyên truyền, hướng dẫn 283.084 lượt người dân gửi góp ý Dự thảo Hiến pháp 2013 qua ứng dụng VNeID.

4.2 Đến nay, đã thành phố Đà Nẵng thu nhận gần 1,7 triệu tài khoản định danh điện tử, trong đó đã kích hoạt gần 1,6 triệu tài khoản; đã thu nhận khoảng 30 nghìn hồ sơ đăng ký tài khoản định danh điện tử cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố để sử dụng thực hiện các thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công; đã tiếp nhận hơn 02 nghìn hồ sơ cấp đề nghị cấp định danh điện tử cho người nước ngoài.

Đã thực hiện tích hợp hơn 600 nghìn thẻ bảo hiểm y tế trên ứng dụng VNEID; tính từ đầu năm 2025 số lượng đăng ký tài khoản VssID-BHXX số là hơn 700 nghìn người; đã thực hiện số hóa hơn 2,5 triệu hồ sơ hộ tịch; đã đồng bộ được dữ liệu thuộc tính, không gian và hồ sơ quét trong cơ sở dữ liệu địa chính của 229/290 phường, xã (47/47 phường thuộc Đà Nẵng cũ và 182/243 phường xã thuộc Quảng Nam cũ) vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Mỗi người dân cơ bản có 01 mã ID và hồ sơ sức khỏe cá nhân; mỗi học sinh có 01 mã ID và học bạ điện tử; mỗi hộ dân có 01 điện thoại thông minh.

4.3 Thành phố Đà Nẵng có **55.911 chữ ký số công cộng** đang hoạt động trên địa bàn Đà Nẵng, trong đó 40.732 chứng thư số tổ chức doanh nghiệp và 15.179 chứng thư số cá nhân. Theo báo cáo của các đơn vị cung cấp Chứng thư số công cộng, năm 2023 đã cung cấp khoảng 7.523 chứng thư số bao gồm cả doanh nghiệp và cá nhân.

Triển khai các nền tảng để người dân sử dụng như Ứng dụng di động đa dịch vụ, tiện ích Danang Smart City¹⁰, Nền tảng công dân số My Portal¹¹, Nền tảng hành trình số¹²; Trợ lý số Da Nang AI dựa trên nền tảng công nghệ ChatGPT và đưa lên Cổng dịch vụ công thành phố, App DaNang Smart City để người dân sử dụng¹³; triển khai các cơ quan, đơn vị triển khai sử dụng trợ lý số giải đáp văn bản pháp luật, phân cấp, phân quyền, thủ tục hành chính¹⁴...

4.4 Theo bình chọn của Tạp chí Du lịch Outlook Traveller, Đà Nẵng đứng thứ 2 thế giới, ngay sau Tokyo (Nhật Bản) trong danh sách Du mục kỹ thuật số - digital nomad. Kết quả đánh giá căn cứ theo dữ liệu những điểm du lịch làm việc từ xa phát triển nhanh nhất thế giới dựa trên phân tích khoảng 300.000 lượt đăng ký trên cơ sở dữ liệu của 2 năm qua. Các tiêu chí bình chọn xem xét các yếu tố như sự phổ biến wi-fi ở những nơi công cộng, khả năng xin thị thực dễ dàng, môi trường chính trị, an ninh công cộng cùng một số yếu tố khác.

¹⁰ Cung cấp hơn 30 dịch vụ thông minh và các tiện ích tra cứu, thông tin, thông báo kịp thời đến người dân, cộng đồng (tra cứu hồ sơ một cửa, điểm thi, vi phạm giao thông, giá đất, theo dõi lượng mưa,...).

¹¹ Mỗi người dân có 01 tài khoản số và 01 kho dữ liệu số, đăng nhập 01 lần và kế thừa lại dữ liệu số trong các lần sử dụng dịch vụ tiếp theo.

¹² Hỗ trợ người dân an tâm theo dõi, giám sát hành trình xe cấp cứu theo thời gian thực, phân tích dữ liệu góp ý của người dân để nâng cao chất lượng dịch vụ công. Nền tảng đã tích hợp công nghệ định vị chính xác 3 từ (what3words), tối ưu hóa thời gian chọn lựa phương tiện và kịp cấp cứu

¹³ Hiện nay, Trợ lý số đã trả lời 100% thủ tục hành chính của Thành phố (1.900 thủ tục); các thông tin kinh tế - xã hội, du lịch, sự kiện trên địa bàn thành phố. Mỗi tháng có 1800 lượt hỏi/đáp.

¹⁴ Công văn số 1652/SKHCN-TTGSĐHTM ngày 16/6/2025

4.5 Triển khai hệ thống tham quan Bảo tàng và di tích Chăm 3D: Ứng dụng giúp du khách có thể tham quan các không gian và hiện vật trưng bày tại Bảo tàng và một số điểm di tích Chăm tiêu biểu trong không gian ảo. Với 50 hiện vật đã được số hóa 3D, du khách có thể xem và tìm hiểu về hiện vật một cách cụ thể và chi tiết nhất, bên cạnh đó là 07 điểm di tích Chăm tiêu biểu, bao gồm Di sản văn hóa thế giới Mỹ Sơn.

Hệ thống thuyết minh tự động (audio guide) bằng công nghệ quét mã QR: Ứng dụng đã giúp du khách tìm hiểu thông tin về bảo tàng và hiện vật tại các phòng trưng bày mà không cần phải có thuyết minh viên đi kèm. Chỉ cần truy cập vào ứng dụng và quét mã QR tại các phòng trưng bày, nội dung thông tin sẽ hiển thị trên ứng dụng; du khách có thể đọc hoặc nghe bằng âm thanh. Hiện ứng dụng đang lưu trữ và cung cấp đến người dùng hơn 80 nội dung về phòng trưng bày và hiện vật bằng 03 ngôn ngữ Việt, Anh, Pháp.

4.6 Triển khai vận hành Hệ thống CSDL ngành GDĐT của thành phố tại địa chỉ <https://csdl.danang.edu.vn>; 100% các trường học, trung tâm trực thuộc Sở GDĐT sử dụng Hệ thống quản lý trường học; 100% cơ sở giáo dục triển khai CSDL ngành để thực hiện công tác quản lý giáo dục; thực hiện cập nhật, đồng bộ với CSDL quốc gia về dân cư và CSDL Ngành của Bộ GDĐT; thực hiện tạo lập và kí sổ sổ theo dõi và đánh giá học sinh, bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục, học bạ số.

Hiện nay, **100% cơ sở giáo dục** đã thực hiện cập nhật và đồng bộ CSDL ngành giáo dục đào tạo với CSDL quốc gia về dân cư, đảm bảo chính xác, đầy đủ các thông tin để phục vụ công tác quản lý, khai thác, sử dụng, nhất là dữ liệu đủ để sinh ra học bạ, sổ điểm điện tử trên phần mềm CSDL ngành giáo dục đào tạo; dữ liệu phục vụ công tác tuyển sinh đầu cấp, xét tốt nghiệp, tuyển sinh đại học.

Về học bạ số, Sở GDĐT đã triển khai chính thức Học bạ số cấp tiểu học cho **100% cơ sở giáo dục cấp tiểu học**. Đối với cấp THCS, THPT và GDTX, Sở GDĐT đang tổ chức thí điểm Học bạ số theo kế hoạch của Bộ GDĐT với 100% trường học, trung tâm GDTX trên địa bàn thành phố. Dữ liệu Học bạ số được các trường học kết nối và đồng bộ với CSDL Ngành của thành phố và Kho Học bạ số của Bộ GDĐT theo quy định. Đến hết năm học 2024-2025, hơn **98%** học bạ số cấp tiểu học, hơn **95%** học bạ số cấp THCS, THPT và GDTX đã gửi về Kho Học bạ số của Bộ GDĐT.

4.7 Triển khai có hiệu quả việc sử dụng thẻ CCCD gắn chip hoặc ứng dụng VNeID trong khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế (BHYT). Bảo hiểm xã hội thành phố đã xác thực đúng với CSDL quốc gia về dân cư với số lượng gần 2,6 triệu người (không bao gồm lực lượng vũ trang, thân nhân quân đội), đạt tỉ lệ 99.3%. Tính đến nay có 100% cơ sở khám chữa bệnh BHYT trên thành phố đã triển khai khám chữa bệnh bằng CCCD gắn chip.

Tính đến ngày 12/8/2025, thành phố Đà Nẵng đã tích hợp được 614.765 Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID, đạt tỉ lệ 21,10% trên tổng số nhân khẩu thường

trú trên địa bàn thành phố.

4.8 Thống kê đến cuối tháng 6/2025: Chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng qua ATM đạt 64,4%; Chi trả BHXH một lần qua ATM đạt tỉ lệ 99.96%; Chi trợ cấp thất nghiệp qua ATM đạt tỉ lệ 100%; Chi ốm đau thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe đạt 100% qua ATM.

Tính đến nay, hệ thống đã xác thực **1.101.992** thông tin người đang tham gia có trong CSDLQG về bảo hiểm với CSDLQG về dân cư (không bao gồm lực lượng vũ trang, thân nhân quân đội), chiếm tỉ lệ 99,8% tổng số người đang tham gia BHXH, BHYT, BHTN trên địa bàn thành phố. Đến nay, đã có 63% người đang tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT) trên địa bàn thành phố có tài khoản ứng dụng BHXH số - VssID phục vụ khám chữa bệnh BHYT; tra cứu thông tin đóng BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp; tra cứu lịch sử khám chữa bệnh BHYT; thông tin hưởng các chế độ BHXH và thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan BHXH”.

4.9 Hoàn thành việc cập nhật, nâng cấp phần mềm Ứng dụng hỗ trợ việc điều hành, quản lý, ứng phó trong công tác sơ tán dân để phòng chống thiên tai trên địa bàn thành phố Đà Nẵng: Rà soát, bổ sung phương án phòng, chống và khắc phục hậu quả ứng với một số kịch bản thiên tai của các sở, ngành, địa phương; Rà soát, bổ sung, cập nhật số liệu sơ tán dân của các địa phương; Cập nhật bổ sung các văn bản, chỉ đạo của Trung ương và UBND thành phố; Tích hợp phần mềm thống kê, đánh giá thiệt hại trong và sau thiên tai; Tích hợp phần mềm nhắn tin vào trong. Số liệu sơ tán dân được cập nhật nhanh chóng kịp thời, giúp cho việc tham mưu chỉ đạo điều hành của lãnh đạo UBND được nhanh chóng, kịp thời giảm thiểu rủi ro thiệt hại về con người trong mưa, bão.

4.10 Đà Nẵng trở thành địa phương đầu tiên ban hành **Khung năng lực số cho công dân**¹⁵, góp phần hình thành "công dân số", thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất và tạo động lực mới cho địa phương.

5. Về hạ tầng kỹ thuật số

5.1 Phát triển các Khu CNTT tập trung

Hiện thành phố có 03 Khu CNTT tập trung đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận: Khu CNTT tập trung Công viên phần mềm Đà Nẵng (02 Quang Trung và 15 Quang Trung; Khu CNTT tập trung Đà Nẵng - giai đoạn 1 (xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang); Khu phức hợp Văn phòng FPT (quận Ngũ Hành Sơn). 01 khu đang xây dựng: Khu CVPM số 2 (phường Thuận Phước, Hải Châu); khởi công Tòa nhà phần mềm công nghệ cao của Tập đoàn Viettel vào ngày 01/7/2025¹⁶ (Khu Công viên Bắc Tượng Đài, quận Hải Châu); đang tiếp tục xúc

¹⁵ Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 18/10/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng Về việc phê duyệt, ban hành Khung năng lực số cho Công dân trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

¹⁶ Diện tích 8 ha, tổng mức đầu tư 3000 tỷ đồng

tiền đầu tư Dự án Không gian sáng tạo phường Hòa Xuân và Dự án Khu Công nghệ thông tin Đà Nẵng Bay.

Tổ chức khai thác hiệu quả Tòa nhà ICT1 Khu Công viên phần mềm số 2 (tỷ lệ khai thác đạt 75%), góp phần vào phát triển ngành công nghệ thông tin, công nghệ vi mạch, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo thành phố nói riêng và sự phát triển kinh tế, xã hội của Thành phố nói chung.

5.2 Phát triển Trạm cáp quang cập bờ

Bên cạnh Trạm cáp quang cập bờ Hòa Hải là nút truyền dẫn cáp quang quốc tế quan trọng của quốc gia gồm 02 tuyến cáp SWM3 và APG hiện có; thành phố Đà Nẵng đang hướng dẫn, hỗ trợ Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội đầu tư trạm cáp quang cập bờ tại Bãi tắm Tân Trà, Hòa Hải, Ngũ Hành Sơn, chuẩn bị khởi công trạm cập bờ cáp quang biển thứ 2 trong tháng 10/2025.

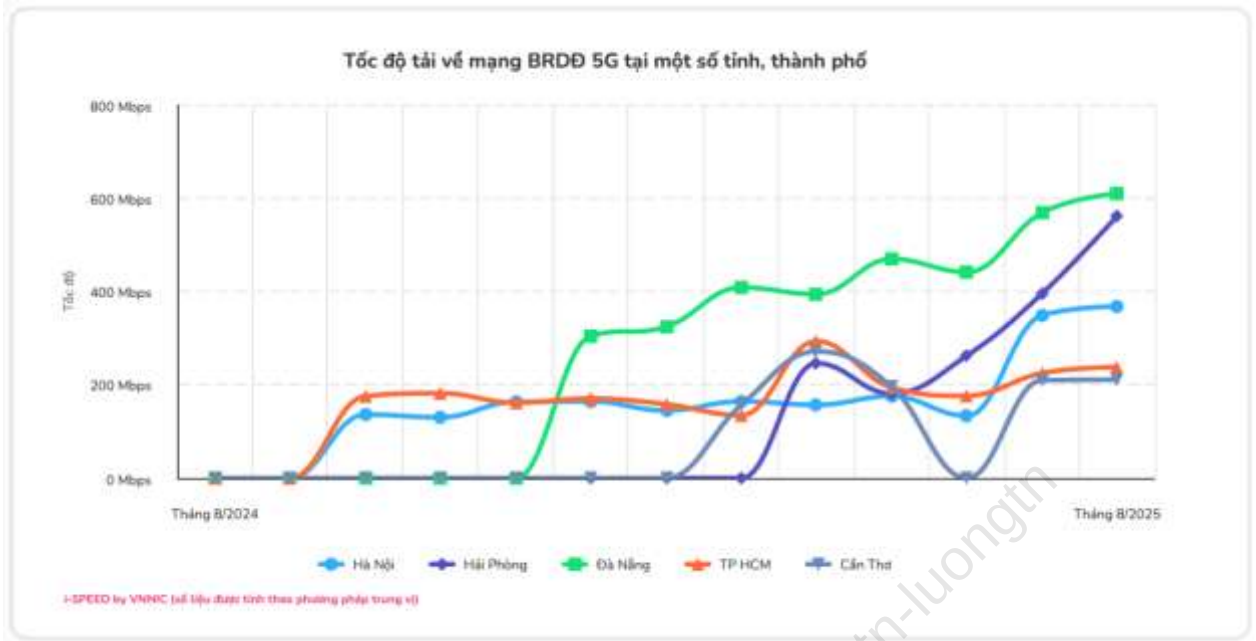
Tháng 08/2025, Tập đoàn VNPT khai trương hệ thống cáp đất quốc tế VSTN - tuyến truyền dẫn hoàn toàn trên đất liền, dài hơn 3.900 km, kết nối từ Đà Nẵng đến các trung tâm dữ liệu lớn trong khu vực ASEAN. Đây là tuyến cáp đầu tiên do người Việt làm chủ 100%. Tuyến giúp đơn vị vận hành có khả năng kiểm soát toàn trình, khẳng định khả năng tự chủ, góp phần giảm thiểu rủi ro gián đoạn kết nối Internet quốc tế.

Việc đa dạng, nâng cao chất lượng và độ ổn định của mạng Internet Việt Nam nói chung, của thành phố Đà Nẵng nói riêng đã tạo nền tảng quan trọng cho phát triển hạ tầng số quốc gia, đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số ở cả trung ương và địa phương, bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến thông suốt khi triển khai mô hình chính quyền hai cấp. Đồng thời, việc nâng cao tốc độ và chất lượng kết nối cũng mang lại tác động tích cực đối với phát triển kinh tế – xã hội, Ngân hàng thế giới (World Bank) đã có báo cáo nhận định mối liên hệ giữa tốc độ truy nhập Internet bằng rộng và tăng trưởng GDP: tốc độ băng rộng tăng gấp đôi có thể thúc đẩy tăng trưởng GDP thêm 0,3%.

5.3 Triển khai hạ tầng mạng 5G: Từ cuối năm 2021, thành phố bắt đầu triển khai hạ tầng mạng 5G với 11 trạm phát sóng tại các tuyến đường trung tâm thành phố (diện tích phủ sóng được 1.5km²). Đến nay, đã phủ sóng mạng 5G Viettel với 90% khu vực có dân cư (400 trạm 5G), Mobifone đang triển khai với 100 trạm 5G, Vinaphone triển khai với 30 trạm 5G;

Theo dữ liệu mới nhất (tháng 08/2025) từ nền tảng Internet i-Speed thuộc Trung tâm Internet Việt Nam – VNNIC¹⁷ (Bộ Khoa học và Công nghệ), trong các tỉnh thành, Đà Nẵng là địa phương dẫn đầu về tốc độ truy cập 5G với mức 609 Mbps, sau đó là Hải Phòng, Hà Nội và TP.HCM.

¹⁷ <https://speedtest.vn/thong-ke-di-dong-5g>



Hình 3. Tốc độ tải về mạng băng rộng di động 5G tại các tỉnh, thành phố

5.4 Mạng đô thị thành phố (Mạng MAN) với tổng chiều dài gần 400 km cáp quang ngầm, mở rộng kết nối 195 cơ quan, đơn vị, đang tiếp tục được nâng cấp, mở rộng. Mở rộng kết nối Hệ thống WiFi thành phố tại các chợ, trung tâm y tế, các khu vực tập trung đông công nhân. Thí điểm lắp đặt 08 trạm truyền dẫn vô tuyến sử dụng công nghệ LoRa (năng lượng thấp, vùng phủ rộng). Trung tâm dữ liệu thành phố tiếp tục được nâng cấp, mở rộng, dung lượng lưu trữ đến 170 TB. Triển khai Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến từ cấp thành phố đến cấp phường, xã. Hình thành các Trung tâm giám sát chuyên ngành như giám sát an ninh trật tự, giám sát giao thông,...

5.5 Hạ tầng wifi công cộng

Thành phố có khoảng 300 điểm WiFi công cộng miễn phí đang hoạt động, khoảng 1.000 điểm wifi của các doanh nghiệp triển khai miễn phí tại các khu vực sân bay, nhà ga, các bệnh viện, trung tâm y tế. Đặc biệt, đã triển khai 169 trạm phát sóng Wifi Đà Nẵng miễn phí tại khu vực dãy nhà trọ để hỗ trợ công nhân, người lao động thu nhập thấp.

5.6 Hạ tầng IoT bước đầu hình thành và phát triển: Sở KH&CN đã triển khai 20 trạm truyền dẫn vô tuyến sử dụng công nghệ LoRa (năng lượng thấp, vùng phủ rộng). Tập đoàn Viettel đã đưa vào khai thác hạ tầng kết nối vạn vật (IoT) với 208 trạm Nb-IoT.

5.7 Phát triển Trung tâm dữ liệu

Đã xúc tiến và khởi công **02** Trung tâm dữ liệu quy mô khu vực tại Khu Công nghệ cao Đà Nẵng, gồm: Trung tâm dữ liệu quốc tế IDC của Công ty Cổ phần Trung tâm dữ liệu Quốc tế¹⁸ và Trung tâm dữ liệu AI¹⁹ của Tập đoàn Viễn

¹⁸ Khởi công ngày 27/3/2025; quy mô 1000 rack và công suất 18 MW, tổng mức đầu tư gần 800 tỷ đồng

¹⁹ Khởi công ngày 28/8/2025; quy mô 1000 rack, công suất 10 MW, tổng vốn đầu tư 200 triệu USD

thông và hạ tầng toàn cầu (IPTP Networks); đến nay toàn thành phố có 7 Trung tâm dữ liệu. Tập đoàn Viettel chuẩn bị khởi công Trung tâm dữ liệu²⁰ trong tháng 12/2025.

5.8 Phát triển công nghiệp vi mạch, bán dẫn

Ngày 27/8/2025, Đà Nẵng đã khởi động Dự án Phòng thí nghiệm phục vụ sản xuất công nghệ đóng gói tiên tiến (Fab-Lab) do VSAP LAB đầu tư tại Khu CNTT tập trung – Công viên phần mềm Đà Nẵng số 2 (tổng vốn ~1.800 tỷ đồng); đang xúc tiến Tập đoàn FPT đầu tư xây dựng Trung tâm nghiên cứu công nghệ kiểm thử và đóng gói tiên tiến chip bán dẫn²¹ tại Khu Công viên phần mềm số 2. Các dự án này khẳng định vị thế Đà Nẵng như một trung tâm công nghệ cao, công nghệ số chiến lược, tiên phong trong lĩnh vực đóng gói vi mạch bán dẫn. Công trình này thúc đẩy hệ sinh thái R&D, khởi nghiệp công nghệ số và đào tạo nhân lực chất lượng cao cho khu vực miền Trung. Dự án là bước tiến quan trọng trong chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn, giúp tự chủ, tự cường về công nghệ lõi, công nghệ nền tảng, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của Việt Nam.

5.9 Phát triển hạ tầng năng lượng

Sở Công Thương đã xây dựng, trình dự thảo Kế hoạch triển khai Quy hoạch điện VIII điều chỉnh trên địa bàn thành phố²²; phối hợp với Công ty CP Kết nối số toàn cầu HP lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời (tài trợ miễn phí 100%) cho các địa điểm trường học, khu dân cư tại các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, trước mắt triển khai đợt 1 tại 3 điểm của xã Trà Tập với gần 300 hộ dân.

5.10 UBND thành phố đã ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn thành phố giai đoạn 2025-2030²³; xây dựng Phương án kỹ thuật hệ thống mạng WAN toàn thành phố; phê duyệt chủ trương 02 dự án hạ tầng, nền tảng để đăng ký vốn đầu tư của Trung ương; chỉ đạo các sở, ngành phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông, điện lực tập trung triển khai xóa các thôn, bản lờm sổng, thiếu điện. Đang xúc tiến triển khai dịch vụ Internet vệ tinh quỹ đạo tầm thấp; đề xuất Bộ Khoa học và Công nghệ hỗ trợ triển khai đặt trạm mặt đất Internet vệ tinh tầm thấp tại thành phố Đà Nẵng; tổ chức khảo sát khu vực thử nghiệm hành lang bay phương tiện bay không người lái phục vụ xây dựng thí điểm bản sao số và triển khai kinh tế tầm thấp.

6. Về dữ liệu số

Công tác triển khai các cơ sở dữ liệu tại Đà Nẵng đã được Cục Chuyển đổi số quốc gia - Bộ Khoa học và Công nghệ kiểm tra, đánh giá cao so với các tỉnh thành toàn quốc và đề nghị tiếp tục hoàn thiện để Bộ KH&CN sử dụng, chia

²⁰ Quy mô 1000 rack, tổng mức đầu tư 2.200 tỷ đồng

²¹ Tổng mức đầu tư dự kiến hơn 55 triệu USD

²² Công văn số 1072/SCT-QLNL ngày 04/9/2025

²³ Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 09/9/2025

sẽ cho địa phương khác tham khảo triển khai²⁴.

Thành phố đã ban hành Danh mục các cơ sở dữ liệu dùng chung thành phố, hình thành các cơ sở dữ liệu dùng chung²⁵ (đất đai, doanh nghiệp, cán bộ công chức,...) và cơ sở dữ liệu chuyên ngành (tư pháp, giáo dục, y tế, thanh tra, giao thông, xây dựng,...); kết nối, khai thác các cơ sở dữ liệu quốc gia (như cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về hộ tịch, cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức,...); đưa vào sử dụng thí điểm Kho dữ liệu dùng chung phục vụ chia sẻ sử dụng chung và phân tích dữ liệu thông minh, ra quyết định chỉ đạo, điều hành;

6.1 Kho kết quả số thủ tục hành chính (TTHC) số

Đưa vào sử dụng Kho kết quả số thủ tục hành chính (TTHC) số (có giá trị như kết quả giấy) để các cơ quan triển khai sử dụng lại; từ đó có cắt giảm một số thủ tục hành chính (như các thủ tục cấp lại do hư hỏng, mất (toàn Thành phố có khoảng 190 thủ tục, chiếm 10% tổng số TTHC các loại); thực hiện ngay trong ngày đối với thủ tục cấp đổi (toàn Thành phố có khoảng 180 thủ tục); không yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp bản giấy thành phần hồ sơ đối với kết quả số đã có.

Triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình “nâng cao” có gắn mã QR tại Sở Xây dựng, Ban Quản lý An toàn thực phẩm. Phối hợp, hướng dẫn, khuyến khích các cơ sở khám sức khỏe cho người lái xe trên địa bàn thành phố hỗ trợ công dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến, qua thống kê trên địa bàn thành phố hiện đã có 11²⁶ cơ sở khám sức khỏe của người lái xe (được thông tin trên trang tin điện tử của Sở Xây dựng) có hỗ trợ công dân nộp hồ sơ cấp đổi GPLX trực tuyến sau khi khám sức khỏe, tạo thuận lợi rất nhiều cho người dân khi làm thủ tục đổi GPLX.

6.2 Dữ liệu về CBCCVC

Sở Nội vụ đã triển khai nhiều giải pháp, bộ công cụ robot tự động kiểm tra và xác thực dữ liệu theo hướng tự động, “thông minh” có khả năng tự rà quét hồ sơ, phát hiện ra các lỗi sai sót, thiếu thông tin hoặc các sai sót mang tính chất nghiệp vụ để kịp thời đưa cảnh báo đến các đơn vị trực tiếp trên hệ thống và thông qua email.

Đến nay Sở Nội vụ thành phố Đà Nẵng đã hoàn thành số lượng hồ sơ đã cập nhập **30.606 hồ sơ (đạt tỷ lệ 100%)**, việc cập nhật, tích hợp, đồng bộ dữ liệu về CBCCVC đúng tiến độ theo chỉ đạo của Bộ Nội vụ và xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

6.3 Hoàn thành số hóa và xây dựng CSDL Hộ tịch điện tử

²⁴ Công văn số 1634/CĐSQG-NTDLS ngày 05/9/2024

²⁵ Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 11/01/2024

²⁶ <https://sgtvt.danang.gov.vn/-/danh-sach-cac-co-so-kham-chua-benh-u-iieu-kien-kham-suc-khoe-cua-nguoi-lai-xe-thuoc-tham-quyen-quan-ly-cua-so-y-te-va-co-ho-tro-nguoi-dan-thuc-hien-dic>

Đến tháng 3/2025, Sở Tư pháp đã hoàn thành việc số hóa **2.580.552 trường hợp** hộ tịch, đạt tỷ lệ **100%**. Cơ sở dữ liệu này đã được đồng bộ vào hệ thống cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử quốc gia, kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Đề án 06), tạo thuận lợi cho việc tra cứu, giải quyết thủ tục hành chính và cắt giảm giấy tờ cho công dân, đặc biệt là thuận lợi trong việc thực hiện cấp bản sao trích lục hộ tịch không phụ thuộc vào nơi đăng ký hộ tịch trước đây.

6.4 Về rà soát CSDLQG về bảo hiểm

Bảo hiểm xã hội Đà Nẵng đã đẩy mạnh việc rà soát, làm sạch, xác thực thông tin người tham gia với cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) về dân cư nhằm hoàn thiện hệ sinh thái kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu CSDLQG về dân cư

Tính đến nay, hệ thống đã xác thực **1.085.540 thông tin** người đang tham gia có trong CSDLQG về bảo hiểm với CSDLQG về dân cư (không bao gồm lực lượng vũ trang, thân nhân quân đội), chiếm tỉ lệ **99,2%** tổng số người đang tham gia BHXH, BHYT, BHTN.

6.5 Về rà soát, chuẩn hoá dữ liệu Mã số thuế (MST)

- Đối với cá nhân, hộ kinh doanh của 4 nhóm ưu tiên đã khớp đúng với CSDL quốc gia về dân cư: tính đến ngày 08/10/2025, tỷ lệ MST theo 4 nhóm của Thuế thành phố Đà Nẵng và các thuế cơ sở đã rà soát là **100%**; đã khớp đúng với dữ liệu quốc gia về dân cư (Bộ Công an) là 64,72%, trong đó: nhóm 1 (tiền lương, tiền công) đạt 76,59%, nhóm 2 (NNT sử dụng đất phi nông nghiệp) đạt 64,04%, nhóm 3 (hộ kinh doanh đang có nghĩa vụ nợ/nộp thừa) đạt 54,64%, nhóm 4 (cá nhân khác không thuộc nhóm 1,2,3) đạt 46,19%; nhóm 5 (đối tượng khác) đạt 12,51%; tổng số lượng MST đã rà soát khớp đúng với dữ liệu quốc gia về dân cư (Bộ Công an) là 224.515 MST.

- Đối với tổ chức đã khớp đúng với CSDL quốc gia về dân cư: 3.945/4.149 NNT, đạt tỷ lệ **95,08%**, trong đó Thuế cơ sở 5 có tỷ lệ khớp đúng cao nhất 99,47%; Thuế cơ sở 10 đạt 98,98%; Thuế cơ sở 4 là 98,94%; Thuế cơ sở 3 97,90%; Văn phòng Thuế Thành phố Đà Nẵng là 92,02%.

6.6 Dữ liệu Kho lưu trữ

Sở Nội vụ quản lý toàn diện tài liệu trong tất cả kho lưu trữ hiện hành ở các cơ quan, đơn vị (thông qua dữ liệu đặc tả chung); giúp thống kê, quản lý tổng thể số lượng hồ sơ, số mét tài liệu lưu trữ (bao gồm lưu trữ hiện hành và lưu trữ lịch sử); tình hình tra cứu, khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ ở tất cả các cơ quan, đơn vị. Thông qua khai thác dữ liệu đặc tả, kho lưu trữ số cũng cho phép tra cứu, xác định sự tồn tại của một số hồ sơ theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan có thẩm quyền. Theo dõi tình hình, lộ trình số hóa tài liệu của từng cơ quan, kiểm tra chất lượng dữ liệu số hóa từ đầu vào; hỗ trợ tìm tài liệu giấy khi có tài liệu điện tử và ngược lại). Đến nay, đã nhập liệu và đưa lên hệ thống hơn **1.100.000 dữ liệu** đặc tả, cho phép tìm kiếm cụ thể sự tồn tại của tài liệu và vị trí lưu trữ tài liệu giấy.

6.7 Dữ liệu mở và Cổng dữ liệu mở thành phố²⁷

UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 11/05/2023 về việc phê duyệt, ban hành Danh mục dữ liệu mở thành phố Đà Nẵng. Danh mục dữ liệu mở của thành phố Đà Nẵng công bố gồm 14 lĩnh vực và 211 nội dung. Trong đó, các lĩnh vực được doanh nghiệp, người dân quan tâm được yêu cầu công khai nhiều nhất (Ví dụ: Lĩnh vực Tài nguyên và môi trường có 38 nội dung như dữ liệu thửa đất, quan trắc môi trường, các vị trí rủi ro thiên tai, ...; Kinh tế có 23 nội dung; Y tế-sức khỏe có 20 nội dung;...). Quyết định số 962/QĐ-UBND yêu cầu tất cả (100%) các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, phường, xã nghiên cứu, công khai dữ liệu của cơ quan, đơn vị đang quản lý lên Cổng dữ liệu thành phố.

Đến nay, Cổng dữ liệu mở thành phố Đà Nẵng đã công khai **hơn 1.400 bộ dữ liệu mở** của các ngành, lĩnh vực, vượt chỉ tiêu đề ra năm 2025 (1.000 bộ dữ liệu mở) theo Nghị quyết số 05-NQ/TU và Đề án Chuyển đổi số của thành phố; có hơn 1.100 tài khoản cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng và với khoảng hơn **5,7 triệu lượt truy cập** để tìm kiếm, khai thác, tra cứu thông tin; hơn **1,2 triệu lượt gọi API** từ các ứng dụng; trong đó, một số dữ liệu được người dân, doanh nghiệp quan tâm khai thác, tìm kiếm nhiều như: điểm thi tốt nghiệp THPT và THPT, phương tiện vi phạm giao thông phạt nguội, giá đất đô thị, văn bản quy phạm pháp luật, khách sạn, nhà hàng, cơ sở lưu trú, cơ sở hành nghề y, khám chữa bệnh...

7. Về nhân lực CNTT, chuyển đổi số

7.1 Nâng cao chất lượng nhân lực CNTT

Ban Chỉ đạo 57 thành phố đã có chủ trương bố trí tối thiểu **01 cán bộ chuyên trách chuyển đổi số tại Đảng ủy phường, xã và 01 cán bộ chuyên trách chuyển đổi số tại UBND phường, xã**. UBND thành phố đã ban hành Kế hoạch tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên sâu dành cho đội ngũ cán bộ chủ chốt và công chức, viên chức công tác tại các xã, phường, đặc khu trên địa bàn thành phố²⁸; Kế hoạch tổ chức đưa sinh viên tình nguyện ngành công nghệ thông tin hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các phường, xã (2 sinh viên/phường,xã)²⁹; Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng trực tuyến về chuyển đổi số trên địa bàn thành phố giai đoạn 2025-2026³⁰. Sở Khoa học và Công nghệ đang hoàn thiện Chương trình tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, phổ cập và nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2025-2030; Sở Giáo dục và Đào tạo đang xây dựng Chương trình tổng thể về giáo dục số, giáo dục STEM, trí tuệ nhân tạo tại các cơ sở giáo dục phổ thông trong năm học 2025-2026. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về kỹ năng số, công

²⁷ <https://congdu lieu.vn>

²⁸ Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 22/7/2025

²⁹ Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 11/8/2025

³⁰ Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 22/9/2025

nghệ số cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp; tiếp tục học tập trực tuyến về chuyển đổi số trên nền tảng học trực tuyến³¹.

UBND thành phố đã triển khai Kế hoạch³² tổ chức chiến dịch đưa sinh viên tình nguyện ngành công nghệ thông tin hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, CDS tại các phường, xã trên địa bàn thành phố. Sở KH&CN đã phối hợp với Sở Nội vụ, Thành đoàn, các trường Đại học và UBND các phường, xã, tổ chức đưa **113 sinh viên tình nguyện** có kiến thức, chuyên ngành về CNTT hỗ trợ triển khai ứng dụng CNTT, CDS tại **46/93** phường, xã trên địa bàn thành phố đợt I từ ngày 18/8/2025 đến ngày 25/8/2025.

7.2 Phát triển nhân lực công nghệ số

- Trên địa bàn thành phố hiện có 19 trường đại học, cơ sở giáo dục với các ngành nghề đào tạo đa dạng, có 2 Đại học lớn là Đại học Đà Nẵng và Đại học Duy Tân, với tổng quy mô đào tạo khoảng **100.000 sinh viên**. Tổng số Giáo sư, Phó Giáo sư trên địa bàn thành phố là 253 người. Trong đó, Đại học Đà Nẵng có đội ngũ trí thức đông đảo nhất với 07 Giáo sư, 118 Phó Giáo sư và 782 Tiến sĩ, 1.091 Thạc sĩ; Đại học Duy Tân với 1.096 giảng viên, trong đó 335 giảng viên có trình độ là Tiến sĩ, có học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư. Đây là lực lượng then chốt tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho thành phố và khu vực.

- Đào tạo nhân lực lĩnh vực vi mạch bán dẫn: Đến năm 2025, đã có **8 trường đại học và cao đẳng** trên địa bàn tuyển sinh chuyên ngành vi mạch bán dẫn với quy mô khoảng **1.000 sinh viên**. Thành phố cũng tổ chức 6 khóa bồi dưỡng cho hơn 255 giảng viên và sinh viên, nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu.

- DevDay 2025, tổ chức tại Đại học Duy Tân (Đà Nẵng) vào ngày 12/4/2025, đánh dấu cột mốc 10 năm phát triển của sự kiện công nghệ thông tin lớn nhất miền Trung. Khởi nguồn từ năm 2015, DevDay đã đồng hành, phát triển cùng thành phố Đà Nẵng trong chính sách chuyển đổi số, phát triển nguồn nhân lực, góp phần khẳng định vị thế thành phố là một trung tâm công nghệ số mới.

Trong một thập kỷ qua, sự kiện đã thu hút hơn **90 doanh nghiệp**, gần **150 diễn giả** và hơn **3.000 người tham dự** mỗi mùa, trở thành một sự kiện uy tín, nổi bật trong hoạt động phát triển nhân lực CNTT thành phố. DevDay đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực CNTT, làm cầu nối hiệu quả giữa môi trường học thuật và công nghiệp, đồng thời tạo cơ hội nghề nghiệp lớn cho sinh viên và kỹ sư trẻ.

³¹ Đã tổ chức triển khai học trực tuyến về chuyển đổi số trên nền tảng học mở đại trà MOOCS của Bộ KHCN: có 16.000 học viên (cán bộ CCVC của thành phố Đà Nẵng cũ tham gia trên nền tảng chuyendoiso.mobiedu.vn (tỷ lệ hoàn thành khóa học đạt 52%); tỉnh Quảng Nam cũ đã đào tạo 5.347 học viên (trong đó: 3.729 học viên cấp huyện và 1.618 học viên của cấp tỉnh) trên nền tảng quangnam.onetouch.edu.vn

³² Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 14/8/2025

Với chủ đề “Tech Fusion” (Sự giao thoa công nghệ) trong lần kỷ niệm thứ 10, DevDay 2025 đã mở ra tầm nhìn mới, tập trung vào các lĩnh vực đột phá như AI, Blockchain, Web3, và Vi mạch & Bán dẫn. Sự kiện đặc biệt có sự tham dự của Ngài Thomas Gass, Đại sứ Thụy Sĩ tại Việt Nam.

DevDay được xem là hình mẫu tiêu biểu cho mô hình hợp tác “4 Nhà” (Nhà nước – Nhà trường – Nhà doanh nghiệp – Nhà khoa học), hoạt động **phi lợi nhuận** nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành công nghiệp số tại Đà Nẵng.

7.3 Lớp học AI đặc biệt - Special Data Labeling tại Đà Nẵng:

Được thiết kế dành riêng cho cộng đồng người yếu thế, đặc biệt là người khuyết tật đã được Công ty cổ phần DevPlus, Công ty TNHH AIWorkx và sự hỗ trợ của Hiệp hội người khuyết tật thành phố tổ chức, triển khai thành công. Đây là một chương trình đào tạo đặc biệt, tập trung vào nghiệp vụ gán nhãn dữ liệu AI, nhằm mở ra cơ hội việc làm mới cho cộng đồng người yếu thế trong kỷ nguyên công nghệ. Sau khóa học cơ bản, học viên có thể tiếp tục tham gia các dự án AI thực tế được trả thù lao, từ đó có cơ hội tìm kiếm việc làm linh hoạt hoặc lâu dài, chứng minh công nghệ có thể là công cụ bình đẳng, dẫn lối mọi thứ tiến nhanh về phía trước, nhưng không bỏ ai lại phía sau.

8. Về an toàn thông tin, an ninh mạng

Thành phố đã triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, trang bị các thiết bị, phần mềm giám sát chuyên dụng tại Trung tâm dữ liệu thành phố; bố trí đội ngũ trực giám sát 24/7. Đà Nẵng đã ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin trên địa bàn thành phố; phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn thông tin Hệ thống thông tin Chính quyền điện tử thành phố (cấp độ 4) tại Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 25/4/2019; phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin chuyên ngành. Thành phố đã triển khai đầy đủ mô hình 4 lớp an toàn thông tin theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Chính phủ; đảm bảo các tiêu chí theo Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT; định kỳ kiểm tra, đánh giá, rà quét an toàn thông tin các hệ thống; triển khai phương án sao lưu, dự phòng dữ liệu và ứng cứu sự cố an toàn thông tin để xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố. Hiện nay Công an thành phố đang triển khai các thủ tục đầu tư Dự án Trung tâm giám sát điều hành an ninh mạng (SOC).

8.1 Triển khai bảo đảm an toàn hệ thống thông tin

- Thành phố đã triển khai phê duyệt hồ sơ cấp độ của **25/28** hệ thống, đạt tỷ lệ **89.2%**, trong đó có 24 hệ thống thông tin đã được phê duyệt cấp độ 3 và 01 hệ thống thông tin đã được phê duyệt cấp độ 4³³.

- Mô hình an toàn thông tin của thành phố Đà Nẵng triển khai theo mô hình tập trung; các hệ thống thông tin đều lưu trữ tập trung tại Trung tâm dữ liệu

³³ Hệ thống thông tin Chính quyền điện tử

thành phố; kế thừa toàn bộ các phương án, giải pháp bảo đảm an toàn thông tin của thành phố đã triển khai. Trung tâm Dữ liệu thành phố được thiết kế, xây dựng theo chuẩn TIER III, được chứng nhận Tiêu chuẩn ISO 27001:2013 về an toàn thông tin; được đầu tư trang bị đầy đủ các thiết bị, giải pháp an toàn thông tin chuyên dụng. Số lượng HTTT đã triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt/tương ứng với tỉ lệ phần trăm trên tổng số HTTT được phê duyệt: **25/25** hệ thống, đạt tỉ lệ **100%**.

8.2 Phối hợp với Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (C06) kiểm tra an toàn thông tin mã nguồn, cho phép kết nối dịch vụ SSO thành phố Đà Nẵng với hệ thống VNEID; cung cấp thông tin khảo sát thực trạng công tác bảo đảm an toàn thông tin; cảnh báo rủi ro an toàn thông tin liên quan đến sản phẩm của CrowdStrike.

8.3 Hằng năm tổ chức diễn tập thực chiến ứng cứu sự cố an toàn thông tin thành phố; tổ chức ký kết Kế hoạch hợp tác với Lữ đoàn 3/Bộ Tư lệnh 86 triển khai bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng năm 2023; tổ chức Hội thảo chuyên đề về an toàn thông tin trong bảo vệ dữ liệu, chuyển đổi số, xây dựng thành phố thông minh.

Đã tổ chức làm việc với Đoàn công tác Bộ Công an và Công an thành phố về việc kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin hệ thống kết nối với CSDL quốc gia về dân cư. Đến nay thành phố đã hoàn thành công tác khắc phục, đảm bảo điều kiện kết nối với CSDL quốc gia về dân cư.

8.4 Hằng năm, thành phố đã tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo tuyên truyền hướng dẫn công tác bảo đảm an toàn thông tin, nâng cao nhận thức về an toàn thông tin cho lãnh đạo và cán bộ công chức, viên chức; tập huấn, hướng dẫn kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ công chức viên chức và kỹ năng an toàn thông tin chuyên sâu cho các cán bộ chuyên trách an toàn thông tin; tổ chức diễn tập thực chiến ứng cứu xử lý sự cố an toàn thông tin theo yêu cầu tại Chỉ thị số 18/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

8.5 Thành Đoàn Đà Nẵng đã tổ chức được 03 Chương trình trực tuyến “*Thanh thiếu nhi Đà Nẵng với pháp luật Việt Nam*” với chủ đề “*Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về an ninh mạng và ứng xử trên không gian mạng cho cán bộ, đoàn viên, thanh thiếu nhi trên địa bàn thành phố*” thu hút hơn 70.000 lượt tương tác trên mạng xã hội ³⁴.

9. Về chuyển đổi số trong cơ quan Đảng, Mặt trận và Đoàn thể

9.1 Ban Thường vụ Thành ủy đã ban hành Mã định danh của các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Đà Nẵng trên mạng máy tính³⁵;

³⁴ Trong năm 2024, Thành đoàn Đà Nẵng tổ chức 04 chương trình tương tác trực tuyến với các nội dung khác nhau. Ban tổ chức tập trung nội dung tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về an ninh mạng và ứng xử trên không gian mạng, gồm: Luật An ninh mạng 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành; một số thủ đoạn tội phạm lừa đảo trên không gian mạng; các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật, chủ trương, chính sách của Nhà nước.

³⁵ Quyết định số 2326-QĐ/TU ngày 28/8/2025

Quy chế quản lý, vận hành, sử dụng Phần mềm Phòng họp không giấy³⁶. Đang hoàn thiện dự thảo Quy chế quản lý, sử dụng Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; dự thảo Quy chế theo dõi, cập nhật tình hình thực hiện các văn bản, kết luận của Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy và các Ban Chỉ đạo của Thành ủy; dự thảo Quy định về quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số chuyên dụng trong các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn thành phố.

9.2 Thường trực Thành ủy thống nhất chủ trương tích hợp và xây dựng Bộ chỉ số (mới) cải cách hành chính và chuyển đổi số các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố; đang triển khai các thủ tục lựa chọn đơn vị tư vấn xây dựng Bộ chỉ số, hoàn thành trong năm 2025 để áp dụng từ đầu năm 2026.

9.3 Đã tiếp nhận, tổ chức tập huấn và đưa vào sử dụng 8 phần mềm do Trung ương chuyển giao³⁷ và chuẩn bị triển khai 5 phần mềm của Trung ương³⁸. Triển khai các dự án ứng dụng đặc thù của thành phố: (1) Triển khai Dự án Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội thành phố, giai đoạn 2021-2025; bàn giao thiết bị công nghệ thông tin cho các cơ quan đảng thuộc Thành ủy; bàn giao máy tính bảng và SIM ký số cho các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; triển khai thử nghiệm Phần mềm Phòng họp không giấy; (2) Triển khai thử nghiệm Phần mềm theo dõi tiến độ công việc Thành ủy; (3) Triển khai các thủ tục xây dựng mạng truyền số liệu chuyên dùng cho các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

9.4 Tham mưu mở mạng liên lạc cơ yếu tại 12 Đảng ủy các xã, phường ở khu vực trọng yếu; triển khai cài đặt cấu hình thiết bị bảo mật, kênh truyền, cấp phát chữ ký số bảo mật phục vụ gửi, nhận văn bản điện tử (bao gồm văn bản mật) qua Hệ thống tại Trung tâm tích hợp dữ liệu Thành ủy và các đơn vị thuộc mạng thông tin diện rộng Thành ủy.

9.5 Về công tác chỉnh lý, số hóa hồ sơ, tài liệu (tính đến ngày 15/9/2025): Toàn Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã chỉnh lý **2.645/4.844** mét tài liệu (tỷ lệ **54,6%**); đã số hoá **2.286.499/6.747.366** trang tài liệu (tỷ lệ **33,9%**)³⁹. Tài liệu của cấp ủy cấp xã thuộc tỉnh Quảng Nam (cũ) đưa về cấp ủy cấp xã (mới) tiếp

³⁶ Quy chế số 03-QC/TU ngày 28/8/2025

³⁷ (1) Công các ứng dụng của cơ quan đảng; (2) Trợ lý ảo hỗ trợ công tác đại hội đảng các cấp; (3) Phần mềm theo dõi tiến trình Đại hội Đảng bộ các cấp; (4) Phần mềm thu thập, tổng hợp thông tin trên Internet; (5) Phần mềm Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng; (6) Phần mềm quản lý số hóa tài liệu; (7) Hệ thống giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; (8) Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

³⁸ (1) Sổ tay đảng viên điện tử; (2) Cơ sở dữ liệu thống kê ngành Kiểm tra Đảng; (3) Cơ sở dữ liệu thi hành kỷ luật Đảng; (4) Phần mềm tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị trên VneID; (5) Phần mềm giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng

³⁹ Bao gồm khối lượng tài liệu của thành phố Đà Nẵng (cũ) và tài liệu của cấp tỉnh, cấp huyện của tỉnh Quảng Nam (cũ)

nhận và quản lý để tổ chức chỉnh lý và số hóa trước khi giao nộp về Lưu trữ lịch sử Thành ủy.

9.6 Công tác bảo đảm ATTT đối với các hệ thống của khối Đảng:

Ban Thường vụ Thành ủy đã ban hành Chỉ thị số 28-CT/TU ngày 27/3/2023 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao trên địa bàn thành phố. UBND thành phố đã ban hành Kế hoạch thực hiện bảo đảm an toàn, an ninh mạng⁶³; Kế hoạch tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về bảo đảm an toàn, an ninh mạng và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin⁶⁴; thành lập Tiểu Ban An toàn, an ninh mạng để lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng trên địa bàn thành phố. Triển khai kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương tại Thông báo số 06-TB/CQTTBCĐ, Ban Chỉ đạo 57 thành phố đã chỉ đạo kiện toàn Tiểu Ban An toàn, an ninh mạng thành phố do đồng chí Bí thư Thành ủy làm Trưởng Tiểu Ban.

Trung tâm tích hợp dữ liệu Thành ủy đã được triển khai các thiết bị phần cứng và phần mềm để đảm bảo an ninh, an toàn thông tin theo đúng hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng. Hệ thống máy tính, thiết bị công nghệ thông tin kết nối mạng diện rộng của đảng đều được Công an thành phố kiểm tra an toàn thông tin và dán tem an ninh, 100% máy tính được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc tập trung Kaspersky và phần mềm EDR. Thành ủy đang triển khai Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan đảng, Mặt trận, đoàn thể giai đoạn 2021-2025; trong đó đầu tư bổ sung hạ tầng máy chủ, SAN, NAS, thiết bị tường lửa kiểm soát truy cập tại Trung tâm tích hợp dữ liệu Thành ủy và tại các cơ quan, đơn vị, Hệ thống giám sát an toàn thông tin, Hệ thống phòng chống mã độc tập trung; đang triển khai lập hồ sơ đề xuất cấp độ và phương án bảo đảm an toàn thông tin đối với Trung tâm tích hợp dữ liệu Thành ủy.

9.7 Liên đoàn Lao động thành phố đã ban hành Đề án số 04/ĐA-LĐLĐ ngày 07/11/2024 về Chuyển đổi số trong hoạt động Công đoàn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2024 - 2028 với một số nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên như: Tạo lập dữ liệu số đoàn viên, công đoàn cơ sở, nâng cấp Công thông tin điện tử, nâng cấp hạ tầng Internet/Wifi; xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin thông qua đăng ký thuê hạ tầng máy chủ cloud; tiến hành các bước để xây dựng app: “Công đoàn Đà Nẵng”; xây dựng và triển khai các phần mềm: Quản lý, đánh giá, phân loại thỏa ước lao động tập thể; phần mềm đánh giá cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa, phần mềm quản lý đoàn viên, công đoàn cơ sở; phần mềm thi đua, khen thưởng... Đến nay, 100% cán bộ, công chức công tác tại cơ quan Liên đoàn Lao động thành phố đã được cấp chữ ký số chuyên dùng.

9.8 Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố Đà Nẵng tổ chức Cuộc thi “Ứng dụng CNTT trong tổ chức sinh hoạt Hội” cấp thành phố với 63 video/clip dự thi và gửi 05 sản phẩm dự thi cấp Trung ương, trong đó, sản phẩm “Padlet phụ nữ

Liên Chiêu - Số hóa thông tin tuyên truyền hoạt động sinh hoạt Hội trên không gian mạng” đã xuất sắc đạt giải Nhất toàn quốc; tổ chức Ngày hội “Chuyển đổi số - Khởi nghiệp sáng tạo – Hành động xanh” trưng bày gian hàng ứng dụng CNTT, chuyển đổi số; hướng dẫn cài đặt chữ ký số cho HVPN, cài App Smart city; tổ chức chương trình “Nữ tiểu thương với chuyển đổi số”, hướng dẫn thanh toán không dùng tiền mặt; bán hàng trên mạng xã hội; bảo mật trong kinh doanh online hay tiếp cận với các sản phẩm thương mại điện tử... Tổ chức livestream tất cả sự kiện lớn, thi trực tuyến “Tìm hiểu về thành phố Đà Nẵng và phong trào phụ nữ thành phố”, xây dựng video/clip về PTTĐ “Mỗi hội viên - một cử chỉ đẹp, mỗi tổ chức Hội - một hành động ý nghĩa”, có tính ảnh hưởng rộng trên Trang Fanpage của Hội LHPN thành phố, đã nhận được nhiều sự tương tác, chia sẻ trên các trang mạng xã hội, tạo sự lan tỏa mạnh mẽ, truyền tải nhiều thông điệp ý nghĩa, tạo hiệu ứng tốt trong hoạt động, phong trào Hội cũng như góp phần thu hút, tập hợp HVPN trên không gian mạng.

10. Về hợp tác, hội nhập quốc tế

Thành phố Đà Nẵng đã tích cực kết nối, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế nhằm thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển đô thị thông minh (Smart City) và thu hút đầu tư công nghệ cao.

10.1 Tổ chức và tham gia các hội nghị/diễn đàn quốc tế

Đà Nẵng thường xuyên đăng cai và tham gia các sự kiện quốc tế nhằm học hỏi kinh nghiệm và quảng bá tiềm năng như: Hội thảo khởi động dự án Nghiên cứu tiền khả thi về phát triển thành phố thông minh tại Đà Nẵng phối hợp với Bộ Đất đai, Hạ tầng, Giao thông và Du lịch Nhật Bản tài trợ; hội nghị quốc tế về “Thúc đẩy phục hồi kinh tế xanh và bao trùm: Bài học từ kinh nghiệm quốc tế”; Hội thảo về thành phố Thông minh trong khuôn khổ chuyến thăm của Bộ trưởng Bộ Cơ sở hạ tầng và nhà ở Thụy Điển (5/2024).

10.2 Xúc tiến đầu tư và hợp tác công nghệ cao

Trong giai đoạn 2021-2025, thành phố tập trung vào việc chủ động tiếp cận các thị trường và tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới thông qua Tọa đàm “Đà Nẵng - Trung tâm tài chính tương lai” tại Geneva, Thụy Sĩ (5/2023); Tọa đàm “Đà Nẵng - Hướng tới một thành phố tài chính thông minh” tại Zurich, Thụy Sĩ (5/2023). Đặc biệt trong giai đoạn 2023-2025, thành phố đã thường xuyên tổ chức các đoàn công tác đi các quốc gia/địa phương có kinh nghiệm trong triển khai và phát triển thành công ngành công nghiệp bán dẫn như Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc). Thông qua các chuyến công tác, thành phố đã chủ động tiếp cận đối tác, tích cực tìm kiếm và làm việc với các tập đoàn công nghệ lớn của Mỹ, Hàn Quốc và Nhật Bản như Intel, Synopsys, Marvell.

10.3 Thiết lập quan hệ với các tổ chức, mạng lưới quốc tế:

Đà Nẵng tăng cường vị thế thông qua việc tham gia các tổ chức và mạng lưới đô thị thông minh như Tổ chức Thành phố thông minh bền vững thế giới (WeGO), Tổ chức Công nghiệp Điện toán châu Á - châu Đại Dương (ASOCIO), Mạng lưới đô thị thông minh ASEAN (ASCN), trong đó có một số hoạt động

liên quan đến lĩnh vực này để các ngành nghiên cứu, xúc tiến chương trình hợp tác; Làm việc với UNESCAP về 02 dự án Smart City Innovation Labs và nghiên cứu giảm ô nhiễm không khí; ...

Thành phố Đà Nẵng đã được Tổ chức các thành phố thông minh bền vững thế giới (WeGO) và chính quyền thành phố Seoul ghi nhận và vinh danh Giải thưởng Thành phố thông minh Seoul 2023 (Seoul Smart City Prize 2023), với hạng mục "Thành phố lấy con người làm trung tâm" (Human Centricity).

10.4 Phát triển không gian đổi mới sáng tạo quốc tế

Thành phố đã thành lập các không gian đổi mới sáng tạo hợp tác với các tỉnh/thành phố nước ngoài như Seoul và Singapore, Quảng Đông - Hồng Kông, Macao tạo điều kiện cho các startup địa phương vươn ra thị trường quốc tế và xây dựng các trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) và tăng cường kêu gọi các tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ, và phát triển chính quyền số. Giai đoạn 2021 - 2025, Đà Nẵng đã thu hút được các dự án công nghệ cao như vi mạch bán dẫn với Synopsys, Marvell và FPT, hay dự án của Foxlink (135 triệu USD) và Dentium (177 triệu USD).